

Số: 1022/QĐ-ĐHDL

Lâm Đồng, ngày 24 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc khen thưởng cho sinh viên hệ đào tạo chính quy năm học 2020 - 2021

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT

Căn cứ Thông tư số 10/2016/TT-BGDĐT ngày 05 tháng 4 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế công tác sinh viên đối với chương trình đào tạo đại học hệ chính quy;

Căn cứ Quyết định số 426/TTg ngày 27/10/1976 của Thủ tướng chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Đà Lạt;

Căn cứ Quyết định số 368/QĐ-ĐHDL ngày 27 tháng 05 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đà Lạt về việc ban hành Quy chế công tác sinh viên đối với chương trình đào tạo đại học hệ chính quy Trường Đại học Đà Lạt;

Căn cứ kết quả học tập, rèn luyện của sinh viên hệ đào tạo chính quy năm học 2020 – 2021;

Căn cứ Giấy đề nghị về việc quy định hình thức, mức khen thưởng sinh viên vào cuối năm học, khóa học được của Hiệu trưởng Trường Đại học Đà Lạt ký ngày 18 tháng 8 năm 2021;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Chính trị và Công tác sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Khen thưởng cho 1023 sinh viên hệ đào tạo chính quy, có thành tích tốt trong học tập và rèn luyện năm học 2020 – 2021 (có danh sách kèm theo). Cụ thể như sau:

STT	Đạt danh hiệu	Số SV	Mức KT/SV	Số Tiền
1	Khá	595	150,000	89,250,000
2	Giỏi	373	200,000	74,600,000
3	Xuất sắc	55	250,000	13,750,000
Tổng cộng				177,600,000

Bằng chữ: Một trăm bảy mươi bảy triệu sáu trăm nghìn đồng

Điều 2. Trưởng phòng Chính trị và Công tác sinh viên, Trưởng phòng Tài chính, Trưởng các đơn vị liên quan và sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2 (để thực hiện);
- Ban Giám hiệu (để báo cáo);
- Lưu: VT, CT & CTSV



HIỆU TRƯỞNG

Lê Minh Chiến



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN KHEN THƯỞNG NĂM HỌC 2020-2021

(Kèm theo Quyết định số 1022/QĐ-DHĐL, ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đà Lạt)

Ngân hàng: Agribank

STT	MSSV	Họ	Tên	Mã Lớp	ĐTB	ĐRL	Xếp loại KT	Số Tiền KT	Số Tài Khoản	Tên ngân hàng mở tài khoản	Ghi chú
1	1810468	Võ Minh	Thi	AVK42A	3.31	84	Giỏi	200,000	5400205439700	Agribank	
2	1810377	Vũ Hồng Bảo	Ngọc	AVK42A	3.11	81	Khá	150,000	5400205403148	Agribank	
3	1810234	Thái Thị Hương	Giang	AVK42A	2.85	79	Khá	150,000	4311205039450	Agribank	
4	1810449	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	AVK42A	2.80	81	Khá	150,000	5400205439644	Agribank	
5	1810290	Phạm Trịnh Thiên	Hương	AVK42B	3.16	83	Khá	150,000	5400205429447	Agribank	
6	1810538	Võ Trương Quỳnh	Uyên	AVK42B	3.00	84	Khá	150,000	5400205429628	Agribank	
7	1810295	Nguyễn Quang	Huy	AVK42B	2.83	70	Khá	150,000	5400205443658	Agribank	
8	1810219	Nguyễn Thị Thùy	Dung	AVK42B	2.69	83	Khá	150,000	5406205252064	Agribank	
9	1810356	Nguyễn Vũ Phương	My	AVK42C	3.18	85	Khá	150,000	5400207003740	Agribank	
10	1810313	Nghiêm Võ Nhất	Lâm	AVK42C	3.13	89	Khá	150,000	5400205439434	Agribank	
11	1813820	Nguyễn Thị Minh	Thơ	AVK42C	3.08	81	Khá	150,000	5406205276815	Agribank	
12	1810177	Lê Ngọc Lan	Anh	AVK42C	2.92	79	Khá	150,000	5400205438540	Agribank	
13	1810451	Vũ Lương Thảo	Tâm	AVK42C	2.83	80	Khá	150,000	5406205189240	Agribank	
14	1810283	Phạm Hồ Đức	Hoàng	AVK42D	2.85	86	Khá	150,000	5400205404498	Agribank	
15	1810312	Lưu Duy	Lâm	AVK42D	2.83	74	Khá	150,000	5400205429380	Agribank	
16	1810185	Phan Văn Minh	Anh	AVK42E	3.33	90	Giỏi	200,000	5400205407421	Agribank	
17	1810480	Nguyễn Vươn Đăng	Thư	AVK42E	3.15	86	Khá	150,000	5400205443693	Agribank	
18	1810456	Trịnh Thiên	Thanh	AVK42E	3.14	78	Khá	150,000	5400205438845	Agribank	
19	1810323	Hùng Thị Ngọc	Linh	AVK42E	3.00	86	Khá	150,000	5400205439571	Agribank	
20	1810550	Trần Như	Ý	AVK42E	2.86	78	Khá	150,000	5400205438606	Agribank	
21	1810479	Nguyễn Nhật Anh	Thư	AVK42E	2.77	76	Khá	150,000	5406205276062	Agribank	
22	1810320	Nguyễn Thị Mai	Liên	AVK42E	2.71	84	Khá	150,000	6100205459022	Agribank	
23	1810150	Võ Thị Ngọc	Nữ	AVK42SP	3.50	84	Giỏi	200,000	4908205065843	Agribank	
24	1810138	Nguyễn Cảnh Hải	Khanh	AVK42SP	3.22	80	Giỏi	200,000	5406205277094	Agribank	
25	1810145	Nguyễn Thị Hoa	My	AVK42SP	3.14	80	Khá	150,000	4906205059115	Agribank	

STT	MSSV	Họ	Tên	Mã Lớp	ĐTB	ĐRL	Xếp loại KT	Số Tiền KT	Số Tài Khoản	Tên ngân hàng mở tài khoản	Ghi chú
26	1810130	Bùi Thị Yên	Cơ	AVK42SP	3.03	87	Khá	150,000	5400205434460	Agribank	
27	1810154	Đỗ Hà Minh	Tâm	AVK42SP	3.00	82	Khá	150,000	5400205434170	Agribank	
28	1810144	Trương Ngọc	Linh	AVK42SP	2.88	80	Khá	150,000	5400205430922	Agribank	
29	1810169	Phan Yên	Vy	AVK42SP	2.72	77	Khá	150,000	5400205430770	Agribank	
30	1810168	Lê Vũ Tường	Vy	AVK42SP	2.70	80	Khá	150,000	5400205427600	Agribank	
31	1810125	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	AVK42SP	2.70	80	Khá	150,000	5400205428211	Agribank	
32	1914202	Nguyễn Phạm Đăng	Khoa	AVK43B	2.83	80	Khá	150,000	5400205491933	Agribank	
33	1910958	Hứa Nguyễn Minh	Châu	AVK43C	3.32	94	Giỏi	200,000	5400205499226	Agribank	
34	1911059	Nguyễn Trần Cẩm	Uyên	AVK43C	2.66	76	Khá	150,000	5400205481759	Agribank	
35	1910994	Đinh Ngọc Khánh	Linh	AVK43D	3.14	86	Khá	150,000	5400205482007	Agribank	
36	1911065	Lê Thụy Tuyết	Vy	AVK43D	2.77	86	Khá	150,000	5400205454110	Agribank	
37	1911044	Nguyễn Đăng Vân	Thùy	AVK43D	2.57	80	Khá	150,000	4703205241567	Agribank	
38	1914155	Nguyễn Thị Thu	Hiền	AVK43E	3.07	80	Khá	150,000	5400205491100	Agribank	
39	1914066	Nguyễn Ngọc	An	AVK43E	2.77	75	Khá	150,000	5400205491890	Agribank	
40	1914491	Lê Khánh	Linh	AVK43SP	3.36	88	Giỏi	200,000	5400205495277	Agribank	
41	1914509	Trịnh Thị Minh	Thu	AVK43SP	2.98	84	Khá	150,000	5400205495290	Agribank	
42	2010182	Nguyễn Lê Học	Nhi	AVK44A	2.95	82	Khá	150,000	5400205553759	Agribank	
43	2010138	Nguyễn Thị Kim	Liên	AVK44A	2.76	84	Khá	150,000	5406205294478	Agribank	
44	2010238	Đỗ Hoàn Phương	Uyên	AVK44A	2.63	83	Khá	150,000	5400205553771	Agribank	
45	2010099	Lê Gia	Hân	AVK44B	3.32	85	Giỏi	200,000	5490205386013	Agribank	
46	2010096	Võ Ngọc Hoàng	Giang	AVK44B	3.26	84	Giỏi	200,000	5400205555210	Agribank	
47	2010113	Nguyễn Công	Hoan	AVK44B	2.87	78	Khá	150,000	5490205422652	Agribank	
48	2010199	Nguyễn Thị Yên	Quyên	AVK44B	2.82	80	Khá	150,000	5400205553686	Agribank	
49	2010132	Nguyễn Ngọc Tuấn	Kiệt	AVK44C	2.91	87	Khá	150,000	6140205783619	Agribank	
50	2013107	Cao Mỹ	Quyên	AVK44E	3.18	89	Khá	150,000	5406205250790	Agribank	
51	2013142	Lê Nguyễn Thủy	Tiên	AVK44E	2.95	78	Khá	150,000	5400205560675	Agribank	
52	2013072	Đinh Khánh	My	AVK44F	3.47	86	Giỏi	200,000	5408205278787	Agribank	
53	2013126	Lê Hải	Thanh	AVK44F	3.34	86	Giỏi	200,000	5400205560725	Agribank	
54	2010042	Trần Thị Kim	Hiếu	AVK44SPA	3.71	88	Giỏi	200,000	4906205119956	Agribank	
55	2011974	Vũ Anh	Tuấn	AVK44SPA	3.32	84	Giỏi	200,000	5400205555160	Agribank	
56	2010060	Trần Hoàng	Vân	AVK44SPA	3.79	78	Khá	150,000	5400205555153	Agribank	
57	2012903	Hoàng Minh Vĩnh	An	AVK44SPB	3.55	92	Giỏi	200,000	5400205539691	Agribank	

STT	MSSV	Họ	Tên	Mã Lớp	ĐTB	ĐRL	Xếp loại KT	Số Tiền KT	Số Tài Khoản	Tên ngân hàng mở tài khoản	Ghi chú
58	1813777	Hoàng Lương Kim	Phúc	CHK42	2.93	88	Khá	150,000	5402205400195	Agribank	
59	1812932	Nguyễn Trúc Lan	Vy	CHK42	2.72	77	Khá	150,000	5400205436538	Agribank	
60	2011499	Cà Thụy Hoài	Thương	CHK44	3.54	93	Giỏi	200,000	5400205557194	Agribank	
61	2014522	Lê Thị Ngọc	Anh	CHK44	3.41	85	Giỏi	200,000	5400205565049	Agribank	
62	2014524	Dương Văn	Khôi	CHK44	2.68	88	Khá	150,000	5412205361723	Agribank	
63	1813082	Mai Quang	Khuê	CPK42	3.73	94	Xuất sắc	250,000	5409205094046	Agribank	
64	1813025	Bùi Thị Phương	Chi	CPK42	3.73	90	Xuất sắc	250,000	5406205237422	Agribank	
65	1813043	Ka	Duy	CPK42	3.61	92	Xuất sắc	250,000	5400205440650	Agribank	
66	1813123	Phan Thị Hồng	Nhung	CPK42	3.30	87	Giỏi	200,000	5400205440984	Agribank	
67	1813204	Hà Quang	Vũ	CPK42	3.27	82	Giỏi	200,000	5400205441097	Agribank	
68	1813099	Liêng Jrang Hê	Lúx	CPK42	3.08	79	Khá	150,000	5400205440695	Agribank	
69	1813195	Nguy Thị Minh	Uyên	CPK42	2.83	79	Khá	150,000	5406205254060	Agribank	
70	1813163	Rơ Ông K'	Thi	CPK42	2.82	80	Khá	150,000	5406205254076	Agribank	
71	1813179	Liêng Hót K'	Thủy	CPK42	2.79	83	Khá	150,000	5400205444877	Agribank	
72	1813098	Rơ Chăm Hờ	Lương	CPK42	2.69	82	Khá	150,000	5400205428110	Agribank	
73	1813016	Liêng Jrang K'	Bi	CPK42	2.67	80	Khá	150,000	5493205402559	Agribank	
74	1913322	Tou Prong Ria	Hiêm	CPK43	2.74	76	Khá	150,000	5405205358570	Agribank	
75	1812602	Nguyễn Thị Minh	Khai	CSK42	3.76	93	Xuất sắc	250,000	5400205400206	Agribank	
76	1812604	Phạm Hồ Thuật	Khoa	CSK42	3.78	86	Giỏi	200,000	5400205431505	Agribank	
77	1812633	Mai Thị Bích	Nhi	CSK42	3.56	90	Giỏi	200,000	4607220024353	Agribank	
78	1813806	Vũ Thị Ngọc	Anh	CSK42	3.56	89	Giỏi	200,000	5400205419624	Agribank	
79	1812616	Nguyễn Võ Phương	Mai	CSK42	3.53	94	Giỏi	200,000	5400205430866	Agribank	
80	1810016	Nông Thị Minh	Hiền	CSK42	3.53	88	Giỏi	200,000	5211205113839	Agribank	
81	1812570	Nguyễn Thị Tố	Anh	CSK42	3.45	83	Giỏi	200,000	5406205196222	Agribank	
82	1812611	Nguyễn Thị Kim	Loan	CSK42	3.37	82	Giỏi	200,000	5400205430820	Agribank	
83	1812605	Lê Thị	Lan	CSK42	3.34	83	Giỏi	200,000	5400205430787	Agribank	
84	1812695	Trương Thị Nhã	Uyên	CSK42	3.32	85	Giỏi	200,000	5400205430294	Agribank	
85	1812674	Mai Thị	Thủy	CSK42	3.32	82	Giỏi	200,000	5401205081476	Agribank	
86	1812600	Nguyễn Đình Gia	Hy	CSK42	3.29	87	Giỏi	200,000	5400205430560	Agribank	
87	1812673	Lê Thị Thu	Thủy	CSK42	3.26	86	Giỏi	200,000	5400205431222	Agribank	
88	1812583	Nguyễn Thị Như	Hà	CSK42	3.22	83	Giỏi	200,000	3903205198820	Agribank	
89	1812647	Lương Vũ Mai	Quỳnh	CSK42	3.21	82	Giỏi	200,000	5400205430055	Agribank	

STT	MSSV	Họ	Tên	Mã Lớp	ĐTB	ĐRL	Xếp loại KT	Số Tiền KT	Số Tài Khoản	Tên ngân hàng mở tài khoản	Ghi chú
90	1812675	Phạm Hoàng Bảo	Thuyền	CSK42	3.20	84	Giỏi	200,000	5400205407683	Agribank	
91	1812655	Phan Thanh	Tấn	CSK42	3.08	82	Khá	150,000	5400205430396	Agribank	
92	1812654	Tạ Thị Nhật	Tân	CSK42	3.03	80	Khá	150,000	5400205430531	Agribank	
93	1812676	K'	Tiên	CSK42	3.00	80	Khá	150,000	5400205431268	Agribank	
94	1812591	Hồ Hà	Hiếu	CSK42	2.94	77	Khá	150,000	5400205430974	Agribank	
95	1812637	Nguyễn Hồng	Nhung	CSK42	2.93	81	Khá	150,000	5400205429867	Agribank	
96	1812696	Vũ Mai Tú	Uyên	CSK42	2.91	81	Khá	150,000	5400205430350	Agribank	
97	1812689	Đào Xuân	Trường	CSK42	2.89	79	Khá	150,000	5400205431403	Agribank	
98	1812669	Lê Thanh	Thúy	CSK42	2.87	84	Khá	150,000	5400205407263	Agribank	
99	1812697	Vũ Nhật Phương	Uyên	CSK42	2.82	79	Khá	150,000	5400205431360	Agribank	
100	1812623	Lê Thị Hồng	Nam	CSK42	2.82	76	Khá	150,000	5406205192606	Agribank	
101	1812688	Đỗ Trần Đông	Trúc	CSK42	2.79	79	Khá	150,000	5490205296267	Agribank	
102	1910236	Dương Thị Cẩm	Vân	CSK43	3.56	93	Giỏi	200,000	3910205149425	Agribank	
103	1910233	Quang Đức	Tú	CSK43	3.44	92	Giỏi	200,000	5405205274650	Agribank	
104	1911327	Trần Thị Mai	Phương	CSK43	3.29	83	Giỏi	200,000	5400205485188	Agribank	
105	1911343	Đinh Thị Phương	Trình	CSK43	3.26	90	Giỏi	200,000	5400205485851	Agribank	
106	1910194	Phạm Khánh	Linh	CSK43	3.19	88	Khá	150,000	5405205258075	Agribank	
107	1910187	Lã Thị Vân	Khánh	CSK43	3.19	86	Khá	150,000	5400205481085	Agribank	
108	1910204	Nguyễn Ngọc Thảo	Nguyễn	CSK43	3.13	91	Khá	150,000	5400205456383	Agribank	
109	1910202	Võ Văn	Nghĩa	CSK43	3.12	92	Khá	150,000	4804205173200	Agribank	
110	1911362	Phạm Thị Yến	Nhi	CSK43	3.10	80	Khá	150,000	5400205485868	Agribank	
111	1911338	Trần Ngọc Thủy	Tiên	CSK43	3.10	75	Khá	150,000	5406281002856	Agribank	
112	1910188	Nguyễn Đăng	Khoa	CSK43	3.09	87	Khá	150,000	5405205274700	Agribank	
113	1911283	Lê Thiện	Hoàn	CSK43	3.00	84	Khá	150,000	5400205455010	Agribank	
114	1910231	Đinh Hữu	Trọng	CSK43	2.76	79	Khá	150,000	5400205481243	Agribank	
115	1911274	Vũ Trung	Duy	CSK43	2.71	79	Khá	150,000	5402205372082	Agribank	
116	2014418	Bùi Thảo	Nhi	CSK44	3.50	76	Khá	150,000	5405205357758	Agribank	
117	2011299	Đoàn Thị	Thảo	CSK44	3.24	71	Khá	150,000	5412205379032	Agribank	
118	1812756	Nguyễn Trọng	Hiếu	CTK42	3.90	94	Xuất sắc	250,000	5400205430236	Agribank	
119	1812751	Nguyễn Thị	Hà	CTK42	3.48	90	Giỏi	200,000	5400205431399	Agribank	
120	1812795	Nguyễn Bảo	Long	CTK42	3.47	89	Giỏi	200,000	5400205431216	Agribank	
121	1812733	Nguyễn Minh	Cường	CTK42	3.24	82	Giỏi	200,000	5400205405511	Agribank	

STT	MSSV	Họ	Tên	Mã Lớp	ĐTB	ĐRL	Xếp loại KT	Số Tiền KT	Số Tài Khoản	Tên ngân hàng mở tài khoản	Ghi chú
122	1812828	Võ Thị Thúy	Phương	CTK42	3.16	89	Khá	150,000	5400205430321	Agribank	
123	1812843	Đặng Ngọc	Thạch	CTK42	3.14	85	Khá	150,000	5400205431143	Agribank	
124	1812790	Nguyễn Khánh	Linh	CTK42	3.11	89	Khá	150,000	5400205430288	Agribank	
125	1812816	Hoàng Thị Hồng	Nhung	CTK42	2.97	87	Khá	150,000	5400205429952	Agribank	
126	1910127	Nhữ Văn	Hữu	CTK43	3.66	93	Xuất sắc	250,000	5614205078171	Agribank	
127	1911158	Nguyễn Hoàng Đăng	Khoa	CTK43	3.63	85	Giỏi	200,000	5400205498903	Agribank	
128	1914745	Cao Dương Sơn	Hiếu	CTK43	3.46	86	Giỏi	200,000	5404205455496	Agribank	
129	1911185	Nguyễn Thành	Phú	CTK43	3.40	80	Giỏi	200,000	5400205487936	Agribank	
130	1911166	Võ Công	Lý	CTK43	3.20	83	Giỏi	200,000	5409205118991	Agribank	
131	1914775	Đinh Trọng	Đạt	CTK43	3.11	85	Khá	150,000	5601205170075	Agribank	
132	1911205	Nguyễn Hữu Đức	Thanh	CTK43	3.09	78	Khá	150,000	5400205487647	Agribank	
133	1914899	Trần Minh	Cảnh	CTK43	3.03	75	Khá	150,000	5404205518210	Agribank	
134	1914801	Phạm Huy	Đức	CTK43	3.00	76	Khá	150,000	5400205490687	Agribank	
135	1911136	Nguyễn Việt Duy	Danh	CTK43	2.80	88	Khá	150,000	5400205498990	Agribank	
136	2011401	Trần Bảo	Lâm	CTK44A	3.77	93	Xuất sắc	250,000	5406205271387	Agribank	
137	2011379	Triệu Trọng	Hậu	CTK44A	3.49	91	Giỏi	200,000	4602220016385	Agribank	
138	2011432	Nguyễn Ngọc	Sơn	CTK44A	3.60	74	Khá	150,000	5402205383116	Agribank	
139	2011430	Lê Hoàng Nhật	Quang	CTK44A	3.17	70	Khá	150,000	5400205554824	Agribank	
140	2012386	Vũ Thị Huyền	Trang	CTK44A	3.03	84	Khá	150,000	5408205281638	Agribank	
141	2014483	Đỗ Quốc	Sang	CTK44B	3.57	79	Khá	150,000	5400205561894	Agribank	
142	2015606	Phạm Lê	Minh	CTK44B	3.11	81	Khá	150,000	5406205249914	Agribank	
143	2014446	Trần Diệu	Đông	CTK44B	3.09	89	Khá	150,000	5406205271516	Agribank	
144	1813386	Nguyễn Trường	Khả	DLK42A	3.59	95	Giỏi	200,000	4605205173358	Agribank	
145	1813565	Nguyễn Thị Diễm	Quỳnh	DLK42A	3.51	83	Giỏi	200,000	5400205433740	Agribank	
146	1813338	Vương Thị Thanh	Hiền	DLK42A	3.40	94	Giỏi	200,000	3802205159330	Agribank	
147	1813364	Nguyễn Hữu Trí	Huệ	DLK42A	3.40	90	Giỏi	200,000	5400205434079	Agribank	
148	1813278	Nguyễn Lê Ái	Dung	DLK42A	3.38	91	Giỏi	200,000	5400205433950	Agribank	
149	1813309	Nguyễn Thị Hoa	Hạ	DLK42A	3.35	90	Giỏi	200,000	5007205084668	Agribank	
150	1813488	Hoàng Thị	Nguyệt	DLK42A	3.33	86	Giỏi	200,000	5400205428336	Agribank	
151	1813644	Phan Thị	Thu	DLK42A	3.30	88	Giỏi	200,000	4222205043311	Agribank	
152	1813324	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	DLK42A	3.29	88	Giỏi	200,000	5400205429027	Agribank	
153	1813263	Huỳnh Hữu	Đang	DLK42A	3.27	82	Giỏi	200,000	4313205042993	Agribank	

STT	MSSV	Họ	Tên	Mã Lớp	ĐTB	ĐRL	Xếp loại KT	Số Tiền KT	Số Tài Khoản	Tên ngân hàng mở tài khoản	Ghi chú
154	1813256	Trương Thành	Công	DLK42A	3.25	93	Giỏi	200,000	5400205497923	Agribank	
155	1813505	Nguyễn Thị Thảo	Nhi	DLK42A	3.25	84	Giỏi	200,000	3910205112591	Agribank	
156	1813670	Nguyễn Phương Thanh	Trà	DLK42A	3.11	84	Khá	150,000	5400205427645	Agribank	
157	1813350	Văn Thị Thanh	Hoa	DLK42A	3.03	85	Khá	150,000	5400205428500	Agribank	
158	1813337	Võ Thị Ngọc	Hiền	DLK42A	3.03	83	Khá	150,000	6617205042277	Agribank	
159	1813665	Ka	Thuyền	DLK42A	3.03	80	Khá	150,000	5400205428371	Agribank	
160	1813381	Ka	Huỳnh	DLK42A	2.95	83	Khá	150,000	5400205433444	Agribank	
161	1813237	Nguyễn Quốc	Bảo	DLK42B	3.68	93	Xuất sắc	250,000	5406205254421	Agribank	
162	1813456	Hà	Manh	DLK42B	3.55	88	Giỏi	200,000	5406205316940	Agribank	
163	1813737	Hồ Lê Kha	Vỹ	DLK42B	3.54	88	Giỏi	200,000	5406205240643	Agribank	
164	1813557	Nguyễn Thị	Quyên	DLK42B	3.51	92	Giỏi	200,000	5219205894068	Agribank	
165	1813423	Lê Thị Cẩm	Linh	DLK42B	3.48	92	Giỏi	200,000	5400205433829	Agribank	
166	1813387	Đỗ Đăng	Khang	DLK42B	3.48	82	Giỏi	200,000	5400205428018	Agribank	
167	1813747	Thái Hữu	Ý	DLK42B	3.43	84	Giỏi	200,000	5406205194262	Agribank	
168	1813612	Vũ Thị	Thành	DLK42B	3.38	82	Giỏi	200,000	5406205275937	Agribank	
169	1813301	Đoàn Thị Ngọc	Hà	DLK42B	3.35	82	Giỏi	200,000	5103205167517	Agribank	
170	1813277	Lê Thị	Dung	DLK42B	3.33	80	Giỏi	200,000	5230205033726	Agribank	
171	1813579	Trương Nguyễn Quang	Son	DLK42B	3.25	82	Giỏi	200,000	5400205433409	Agribank	
172	1813807	Phạm Thị Hoài	Thu	DLK42B	3.18	85	Khá	150,000	5406205195583	Agribank	
173	1912622	Nguyễn Thị Kim	Bích	DLK43A	3.67	91	Xuất sắc	250,000	5406205231505	Agribank	
174	1910618	Nguyễn Thiên	Kim	DLK43A	3.47	91	Giỏi	200,000	5400205478840	Agribank	
175	1910653	Lê Thị Kim	Oanh	DLK43A	3.42	88	Giỏi	200,000	5400205479350	Agribank	
176	1912993	Phạm Thị Hồng	Nhung	DLK43A	3.39	95	Giỏi	200,000	5405205273418	Agribank	
177	1910637	Trần Thị Thúy	Ngọc	DLK43A	3.33	93	Giỏi	200,000	5400205479031	Agribank	
178	1912672	Nguyễn Thị	Dung	DLK43A	3.33	89	Giỏi	200,000	5400205506316	Agribank	
179	1912688	Nguyễn Thị Thùy	Duyên	DLK43A	3.31	88	Giỏi	200,000	5406205275914	Agribank	
180	1914660	Trần Thị Yến	Nhi	DLK43A	3.31	84	Giỏi	200,000	5402205368424	Agribank	
181	1913189	Trần Thu	Trâm	DLK43A	3.29	91	Giỏi	200,000	5490205422153	Agribank	
182	1912616	Lê Tuyết	Băng	DLK43A	3.20	86	Giỏi	200,000	7504205283551	Agribank	
183	1912843	Đoàn Thị Mỹ	Lệ	DLK43A	3.08	89	Khá	150,000	5400205504645	Agribank	
184	1910708	Phạm Tuấn	Triều	DLK43A	3.08	81	Khá	150,000	4504205053599	Agribank	
185	1914752	Hoàng Thị Phương	Thảo	DLK43B	3.72	90	Xuất sắc	250,000	5400205508810	Agribank	

STT	MSSV	Họ	Tên	Mã Lớp	ĐTB	ĐRL	Xếp loại KT	Số Tiền KT	Số Tài Khoản	Tên ngân hàng mở tài khoản	Ghi chú
186	1912698	Lại Thu	Hà	DLK43B	3.69	93	Xuất sắc	250,000	5404205433992	Agribank	
187	1910012	Nguyễn Quỳnh Thanh	Trúc	DLK43B	3.67	93	Xuất sắc	250,000	5400205475438	Agribank	
188	1913132	Trần Anh	Thông	DLK43B	3.70	88	Giỏi	200,000	5400205491962	Agribank	
189	1912941	Cao Thụy Bảo	Ngọc	DLK43B	3.52	90	Giỏi	200,000	5400205505914	Agribank	
190	1910686	Nguyễn Thị Kim	Thư	DLK43B	3.46	84	Giỏi	200,000	5406205367340	Agribank	
191	1912669	Lê Phương	Dung	DLK43B	3.39	88	Giỏi	200,000	5400205505966	Agribank	
192	1912973	Võ Thị Quỳnh	Nhi	DLK43B	3.38	83	Giỏi	200,000	5400205495021	Agribank	
193	1913001	Hồ Thị Diệu	Nơ	DLK43B	3.33	90	Giỏi	200,000	5400205584940	Agribank	
194	1913077	Nguyễn Hữu	Sung	DLK43B	3.29	86	Giỏi	200,000	5400205492000	Agribank	
195	1910668	Nguyễn Văn	Quỳnh	DLK43B	3.18	79	Khá	150,000	5409205119102	Agribank	
196	1912681	Hồ Bảo	Duy	DLK43B	3.08	81	Khá	150,000	5400205506135	Agribank	
197	1912981	Bùi Thị Hồng	Nhung	DLK43B	3.03	83	Khá	150,000	5002205142267	Agribank	
198	1913149	Đặng Thị Hoài	Thương	DLK43B	3.00	83	Khá	150,000	5400205506033	Agribank	
199	1912803	Nguyễn Thị Thu	Huyền	DLK43C	3.08	80	Khá	150,000	5406205347190	Agribank	
200	1913137	Trần Thị	Thu	DLK43C	3.06	83	Khá	150,000	5495205095408	Agribank	
201	1913199	Trần Huyền	Trang	DLK43D	3.86	92	Xuất sắc	250,000	4307205222673	Agribank	
202	1910690	Dương Thị Thanh	Thúy	DLK43D	3.47	92	Giỏi	200,000	5400205479287	Agribank	
203	1914813	Bùi Thanh	Ngân	DLK43D	3.47	90	Giỏi	200,000	5406205242770	Agribank	
204	1910674	Lương Thị Hồng	Thắm	DLK43D	3.39	91	Giỏi	200,000	5490205311428	Agribank	
205	1910666	Nguyễn Ngọc Phương	Quỳnh	DLK43D	3.33	91	Giỏi	200,000	5400205479156	Agribank	
206	1912641	Lê Thanh	Cường	DLK43D	3.27	90	Giỏi	200,000	5400205492647	Agribank	
207	1910680	Dương Đình	Thi	DLK43D	3.21	91	Giỏi	200,000	3910205160940	Agribank	
208	1912986	Lê Thị Hồng	Nhung	DLK43D	3.17	80	Khá	150,000	5400205505995	Agribank	
209	2011805	Lê Hoàng	Tân	DLK44A	3.39	87	Giỏi	200,000	5400205554325	Agribank	
210	2011688	Nguyễn Chu Yên	Lam	DLK44A	3.16	85	Khá	150,000	6400205659920	Agribank	
211	2011915	Kiều Tường	Vi	DLK44A	3.00	84	Khá	150,000	5400205554020	Agribank	
212	2011806	Nguyễn Đình Khánh	Tân	DLK44A	2.91	81	Khá	150,000	5400205511187	Agribank	
213	2012431	Sầm Thị	Hoa	DLK44A	2.91	73	Khá	150,000	4902205089098	Agribank	
214	2011796	Nguyễn Thị Hương	Quỳnh	DLK44A	2.83	85	Khá	150,000	5101205140914	Agribank	
215	2011889	Phạm Thị Thanh	Trúc	DLK44A	2.83	83	Khá	150,000	5400205554302	Agribank	
216	2012463	Nguyễn Thanh	Phong	DLK44A	2.83	82	Khá	150,000	5405205324214	Agribank	
217	2011946	Nguyễn Thị Hải	Yến	DLK44A	2.76	83	Khá	150,000	5492205075904	Agribank	

STT	MSSV	Họ	Tên	Mã Lớp	ĐTB	ĐRL	Xếp loại KT	Số Tiền KT	Số Tài Khoản	Tên ngân hàng mở tài khoản	Ghi chú
218	2011854	Đình Thị	Tiểu	DLK44A	2.66	86	Khá	150,000	5400205514389	Agribank	
219	2011859	Nguyễn Đình	Tiền	DLK44A	2.61	89	Khá	150,000	5400205425627	Agribank	
220	2011623	Võ Thị Mỹ	Duyên	DLK44B	3.07	82	Khá	150,000	4703205255040	Agribank	
221	2012485	Trần Thị Thanh	Thảo	DLK44B	3.03	84	Khá	150,000	5400205555935	Agribank	
222	2011647	Liêu Minh	Hậu	DLK44B	3.00	77	Khá	150,000	5408205314671	Agribank	
223	2011870	Phạm Bảo	Trần	DLK44B	2.94	81	Khá	150,000	5406205251430	Agribank	
224	2011664	Nguyễn Thị Thu	Hường	DLK44B	2.80	81	Khá	150,000	5406205271414	Agribank	
225	2011581	Hồ Thị Tuyết	Ánh	DLK44B	2.76	91	Khá	150,000	5400205554115	Agribank	
226	2014665	Võ Thị	Đặng	DLK44C	3.00	90	Khá	150,000	5400205565525	Agribank	
227	2015183	Lê Nữ Huyền	Trần	DLK44D	3.34	91	Giỏi	200,000	4804205231598	Agribank	
228	2014868	Lê Thị Kim	Liên	DLK44D	3.26	92	Giỏi	200,000	5400205562250	Agribank	
229	2014925	Nguyễn Huyền	My	DLK44D	2.82	83	Khá	150,000	5400205589184	Agribank	
230	1811160	Bàn Nguyên	Thành	DPK42HQ	3.71	81	Giỏi	200,000	5606205208263	Agribank	
231	1811065	Nguyễn Phan Nguyên	Như	DPK42HQ	3.66	81	Giỏi	200,000	5400205406304	Agribank	
232	1810987	Văn Thị Hiền	Lương	DPK42HQ	3.66	81	Giỏi	200,000	5400205433791	Agribank	
233	1811126	Lê Nguyễn Ngọc	Quỳnh	DPK42HQ	3.63	82	Giỏi	200,000	5406205189574	Agribank	
234	1811152	Mang Thị	Thanh	DPK42HQ	3.58	82	Giỏi	200,000	4604205100693	Agribank	
235	1810989	Hồ Thị Lưu	Luyến	DPK42HQ	3.58	80	Giỏi	200,000	5400205435275	Agribank	
236	1810763	Võ Thị Bình	An	DPK42HQ	3.54	81	Giỏi	200,000	5400205407581	Agribank	
237	1811153	Moul	Thanh	DPK42HQ	3.47	81	Giỏi	200,000	5408205205719	Agribank	
238	1811207	Hoàng Thị Bích	Thúy	DPK42HQ	3.44	82	Giỏi	200,000	5400205436305	Agribank	
239	1810822	Dương Thị Thùy	Giang	DPK42HQ	3.43	81	Giỏi	200,000	5400205437518	Agribank	
240	1811185	Nguyễn Thị Kim	Thoa	DPK42HQ	3.32	82	Giỏi	200,000	4602205158155	Agribank	
241	1811139	Nguyễn Thế	Son	DPK42HQ	3.26	85	Giỏi	200,000	5400205435173	Agribank	
242	1810977	Vũ Thị	Lộc	DPK42HQ	3.51	78	Khá	150,000	5400205434040	Agribank	
243	1811088	Nay	Oên	DPK42HQ	3.51	74	Khá	150,000	5007205108403	Agribank	
244	1811127	Lê Thị Thanh	Quỳnh	DPK42HQ	3.43	76	Khá	150,000	5406205275887	Agribank	
245	1811181	Trần Bảo	Thi	DPK42HQ	3.41	78	Khá	150,000	5400205437400	Agribank	
246	1811119	Phan Thị	Quyên	DPK42HQ	3.34	79	Khá	150,000	3707205134516	Agribank	
247	1811057	Võ Thảo	Nhi	DPK42HQ	3.29	77	Khá	150,000	5400205437480	Agribank	
248	1811219	Võ Thị Mỹ	Thùy	DPK42HQ	3.24	79	Khá	150,000	5400205435564	Agribank	
249	1810775	Thái Lan	Anh	DPK42HQ	3.18	78	Khá	150,000	5400205437770	Agribank	

STT	MSSV	Họ	Tên	Mã Lớp	ĐTB	ĐRL	Xếp loại KT	Số Tiền KT	Số Tài Khoản	Tên ngân hàng mở tài khoản	Ghi chú
250	1811249	Hồ Ngọc Thảo	Trang	DPK42HQ	3.17	79	Khá	150,000	5400205437909	Agribank	
251	1810953	Bùi Thị Kim	Linh	DPK42HQ	3.16	75	Khá	150,000	5406205201527	Agribank	
252	1811009	Nguyễn Thủy Trà	My	DPK42HQ	3.05	76	Khá	150,000	5400205437728	Agribank	
253	1811026	Bùi Vũ Thúy	Ngân	DPK42HQ	3.00	72	Khá	150,000	5400205402667	Agribank	
254	1811135	Hân Ngọc Bích	Sam	DPK42HQ	2.97	75	Khá	150,000	4908205067799	Agribank	
255	1811201	Lê Thị Hoài	Thương	DPK42HQ	2.95	77	Khá	150,000	5400205435780	Agribank	
256	1810857	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	DPK42HQ	2.91	77	Khá	150,000	5400 205403160	Agribank	
257	1810919	Nguyễn Thị	Huyền	DPK42HQ	2.89	74	Khá	150,000	5400205435281	Agribank	
258	1810849	Trần Thị	Hằng	DPK42HQ	2.77	73	Khá	150,000	5406205235506	Agribank	
259	1811070	Võ Thị Quỳnh	Như	DPK42HQ	2.74	73	Khá	150,000	4602205157878	Agribank	
260	1810984	Bùi Thị	Lụa	DPK42NB	3.71	90	Xuất sắc	250,000	5400205436840	Agribank	
261	1811038	Trần Thị Thu	Ngọc	DPK42NB	3.54	93	Giỏi	200,000	5400205430111	Agribank	
262	1810828	Trần Hoàng Phương	Giao	DPK42NB	3.54	89	Giỏi	200,000	5400205436386	Agribank	
263	1810890	Trần Ngọc	Hoàng	DPK42NB	3.50	90	Giỏi	200,000	5400205437350	Agribank	
264	1810997	Bé Thị	Mai	DPK42NB	3.24	90	Giỏi	200,000	5491205391747	Agribank	
265	1811315	Lục Hiền	Vinh	DPK42NB	3.18	91	Khá	150,000	5400205402492	Agribank	
266	1810985	Phạm Võ	Luân	DPK42NB	3.09	92	Khá	150,000	5400205435824	Agribank	
267	1811325	Hà Thị Hằng	Vy	DPK42NB	3.09	84	Khá	150,000	5400205435223	Agribank	
268	1811028	Hoàng Kim	Ngân	DPK42NB	3.07	84	Khá	150,000	5023205156144	Agribank	
269	1810789	Phạm Thị Minh	Châu	DPK42NB	3.00	84	Khá	150,000	5406205300594	Agribank	
270	1810813	Phùng Gia Tâm	Dung	DPK42NB	2.85	84	Khá	150,000	5404205343541	Agribank	
271	1811115	Hoàng Kim	Quý	DPK42NB	2.63	83	Khá	150,000	5400205406940	Agribank	
272	1913906	Dương Thị Linh	Thương	DPK43HQA	3.69	81	Giỏi	200,000	5400205486667	Agribank	
273	1910785	Phạm Thị Thu	Hiền	DPK43HQA	3.56	81	Giỏi	200,000	4907205167179	Agribank	
274	1913742	Trần Văn Thảo	Nguyên	DPK43HQA	3.55	80	Giỏi	200,000	5400205490244	Agribank	
275	1913916	Hà Thị Thu	Thủy	DPK43HQA	3.55	80	Giỏi	200,000	5400205490789	Agribank	
276	1913493	Đặng Thùy	Dương	DPK43HQA	3.46	80	Giỏi	200,000	5400205490375	Agribank	
277	1914904	Trịnh Thị	Thanh	DPK43HQA	3.42	81	Giỏi	200,000	5400205487778	Agribank	
278	1913925	Võ Thị Mỹ	Tiền	DPK43HQA	3.36	81	Giỏi	200,000	4306205426991	Agribank	
279	1913967	Hoàng Thị	Tú	DPK43HQA	3.28	81	Giỏi	200,000	5308205114710	Agribank	
280	1910874	Vũ Hoàng Linh	Thi	DPK43HQA	3.27	80	Giỏi	200,000	5400205480523	Agribank	
281	1913581	Nguyễn Thị	Hồng	DPK43HQA	3.56	79	Khá	150,000	5493220008766	Agribank	

STT	MSSV	Họ	Tên	Mã Lớp	ĐTB	ĐRL	Xếp loại KT	Số Tiền KT	Số Tài Khoản	Tên ngân hàng mở tài khoản	Ghi chú
282	1910788	Trương Thị Mộng	Hoài	DPK43HQA	3.41	78	Khá	150,000	5400205501647	Agribank	
283	1913436	Lại Thị Kim	Anh	DPK43HQA	3.17	78	Khá	150,000	5023205170050	Agribank	
284	1913586	Đào Thị Thu	Hương	DPK43HQA	3.03	76	Khá	150,000	5400205490238	Agribank	
285	1910883	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	DPK43HQA	2.96	77	Khá	150,000	5400205480444	Agribank	
286	1913522	Cao Hồng	Hải	DPK43HQA	2.93	80	Khá	150,000	5400205490483	Agribank	
287	1913534	Cao Thị Mỹ	Hạnh	DPK43HQA	2.92	77	Khá	150,000	3511205191550	Agribank	
288	1913998	Cao Thị Tường	Vy	DPK43HQA	2.86	77	Khá	150,000	5400205501618	Agribank	
289	1914702	Nguyễn Thị	Phượng	DPK43HQA	2.72	77	Khá	150,000	5400205501574	Agribank	
290	1913725	Nguyễn Thị Bảo	Ngọc	DPK43HQA	2.63	77	Khá	150,000	3605205439627	Agribank	
291	1913777	Trần Thị Tuyết	Nhung	DPK43HQB	3.59	81	Giỏi	200,000	5491205431915	Agribank	
292	1913863	Đặng Thị	Thành	DPK43HQB	3.59	80	Giỏi	200,000	5406205238737	Agribank	
293	1910904	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	DPK43HQB	3.52	90	Giỏi	200,000	4602220009889	Agribank	
294	1914717	Mai Văn	Hiệu	DPK43HQB	3.48	87	Giỏi	200,000	5400205501551	Agribank	
295	1913923	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	DPK43HQB	3.41	85	Giỏi	200,000	3910205147261	Agribank	
296	1913541	Nguyễn Thị	Hào	DPK43HQB	3.41	85	Giỏi	200,000	3802205244657	Agribank	
297	1910835	Huỳnh Thị Hương	Nhi	DPK43HQB	3.28	79	Khá	150,000	4907205167191	Agribank	
298	1910845	Phan Thị Cẩm	Nhung	DPK43HQB	3.10	78	Khá	150,000	5400205480972	Agribank	
299	1913582	Hoàng Thị	Huế	DPK43HQB	3.07	85	Khá	150,000	3516205286220	Agribank	
300	1913641	Bùi Thị	Linh	DPK43HQB	2.93	75	Khá	150,000	5400205486650	Agribank	
301	1910898	Vũ Huyền	Trần	DPK43HQC	3.72	89	Giỏi	200,000	5400205485113	Agribank	
302	1913635	Phạm Thị	Liên	DPK43HQC	3.45	80	Giỏi	200,000	3606205560144	Agribank	
303	1910837	Lê Thị Yến	Nhi	DPK43HQC	3.55	78	Khá	150,000	5400205481295	Agribank	
304	1913900	Phạm Anh	Thư	DPK43HQC	3.45	79	Khá	150,000	5909205176560	Agribank	
305	1913877	Nguyễn Thị Phương	Thảo	DPK43HQC	3.28	75	Khá	150,000	5400205489750	Agribank	
306	1913779	Võ Thị	Nhung	DPK43HQC	3.24	75	Khá	150,000	4305205277780	Agribank	
307	1913989	Nguyễn Thị Ái	Vân	DPK43HQC	3.21	78	Khá	150,000	5909205178326	Agribank	
308	1913921	Nguyễn Hoàng Uyên	Thy	DPK43HQC	3.21	76	Khá	150,000	4703205219988	Agribank	
309	1913758	Nguyễn Hồng	Nhi	DPK43HQC	3.21	75	Khá	150,000	4304205211041	Agribank	
310	1913602	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	DPK43HQC	3.14	77	Khá	150,000	5400205485483	Agribank	
311	1910808	Nguyễn Tùng	Lâm	DPK43HQC	3.10	92	Khá	150,000	5400205480450	Agribank	
312	1910862	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	DPK43HQC	3.03	74	Khá	150,000	5400205480858	Agribank	
313	1914007	Nguyễn Thị Tường	Vy	DPK43HQC	2.97	74	Khá	150,000	4303205204152	Agribank	

STT	MSSV	Họ	Tên	Mã Lớp	ĐTB	ĐRL	Xếp loại KT	Số Tiền KT	Số Tài Khoản	Tên ngân hàng mở tài khoản	Ghi chú
314	1913782	H- Sip -	Niê	DPK43HQC	2.93	74	Khá	150,000	5206205167755	Agribank	
315	1910763	Lục Thị Hùng	Diệp	DPK43HQC	2.86	82	Khá	150,000	2203205477799	Agribank	
316	1913585	Cao Văn	Hùng	DPK43HQC	2.66	75	Khá	150,000	5400205490369	Agribank	
317	1910926	Hồ Mộng Trường	Vy	DPK43NB	3.59	89	Giỏi	200,000	5400205480500	Agribank	
318	1913803	Hoàng Kim	Phương	DPK43NB	3.59	85	Giỏi	200,000	5023205174406	Agribank	
319	1913999	Đào Lưu Nhật	Vy	DPK43NB	3.59	83	Giỏi	200,000	2005206232944	Agribank	
320	1913807	Bùi Thúy	Phượng	DPK43NB	3.55	81	Giỏi	200,000	5491205409315	Agribank	
321	1913829	Lại Như	Quỳnh	DPK43NB	3.34	84	Giỏi	200,000	5491205417835	Agribank	
322	1913659	Trần Thị Mỹ	Linh	DPK43NB	3.28	83	Giỏi	200,000	5400205488446	Agribank	
323	1913958	Phạm Thị Mỹ	Trinh	DPK43NB	3.24	85	Giỏi	200,000	4308205193690	Agribank	
324	1913836	Trần Thị Diễm	Quỳnh	DPK43NB	3.24	83	Giỏi	200,000	5400205486615	Agribank	
325	1913817	Nguyễn Thị Kiều	Quyên	DPK43NB	3.31	79	Khá	150,000	5400205490165	Agribank	
326	1914722	Võ Nguyên	Minh	DPK43NB	3.28	76	Khá	150,000	5406205222296	Agribank	
327	1914849	Đỗ Thị Bích	Phượng	DPK43NB	3.10	68	Khá	150,000	4810205196115	Agribank	
328	1910929	Nguyễn Thị Trường	Vy	DPK43NB	2.97	77	Khá	150,000	5400205480791	Agribank	
329	1913820	Trương Nguyễn Bảo	Quyên	DPK43NB	2.93	81	Khá	150,000	5412205347587	Agribank	
330	1910775	Kơ Să K'	Glis	DPK43NB	2.91	78	Khá	150,000	5400205481316	Agribank	
331	1914818	Lương Thị Đức	Hạnh	DPK43NB	2.76	78	Khá	150,000	3207205372445	Agribank	
332	1914708	Bùi Thị	Hồng	DPK43NB	2.72	78	Khá	150,000	5105205084832	Agribank	
333	2012078	Ngô Thị	Nam	DPK44HQA	3.76	89	Giỏi	200,000	5604205296693	Agribank	
334	2010412	Đỗ Thị Thu	Luyến	DPK44HQA	3.43	85	Giỏi	200,000	4302205297571	Agribank	
335	2010454	Nguyễn Huỳnh Trí	Nguyên	DPK44HQA	3.41	80	Giỏi	200,000	5400205603082	Agribank	
336	2012070	Nguyễn Thị Thùy	Linh	DPK44HQA	3.32	83	Giỏi	200,000	4608220029450	Agribank	
337	2012090	Đào Thị Như	Quỳnh	DPK44HQA	3.30	85	Giỏi	200,000	5411205137811	Agribank	
338	2010488	Viên Ân	Quỳnh	DPK44HQA	3.30	82	Giỏi	200,000	5907205309031	Agribank	
339	2010586	Cao Thị Như	Ý	DPK44HQA	3.24	83	Giỏi	200,000	5400205555407	Agribank	
340	2010498	Đào Nữ Phương	Thảo	DPK44HQA	3.22	86	Giỏi	200,000	5405205297258	Agribank	
341	2010549	Trần Ngọc Huyền	Trang	DPK44HQA	3.22	85	Giỏi	200,000	5406205259720	Agribank	
342	2010422	Lê Thị Trà	My	DPK44HQA	3.22	82	Giỏi	200,000	4601205137249	Agribank	
343	2010318	Triệu Hoàng Lan	Anh	DPK44HQA	3.22	81	Giỏi	200,000	4606220005118	Agribank	
344	2010387	Võ Thị Thanh	Huyền	DPK44HQA	3.51	75	Khá	150,000	5400205480779	Agribank	
345	2010516	Nguyễn Thị Mỹ	Thịnh	DPK44HQA	3.38	76	Khá	150,000	5493205411680	Agribank	

STT	MSSV	Họ	Tên	Mã Lớp	ĐTB	ĐRL	Xếp loại KT	Số Tiền KT	Số Tài Khoản	Tên ngân hàng mở tài khoản	Ghi chú
346	2010502	Ma	Thảo	DPK44HQA	3.19	82	Khá	150,000	5406205351152	Agribank	
347	2010416	Lý Hoàng Trúc	Mai	DPK44HQA	3.19	81	Khá	150,000	5400205565315	Agribank	
348	2010340	Nguyễn Thị Mỹ	Huyền	DPK44HQA	3.14	83	Khá	150,000	4907205195802	Agribank	
349	2012063	Trương Thị Thu	Hiền	DPK44HQA	3.12	87	Khá	150,000	5400205558825	Agribank	
350	2010519	Ngô Thị Minh	Thư	DPK44HQA	3.11	74	Khá	150,000	5402205370990	Agribank	
351	2010572	Nguyễn Thị	Vân	DPK44HQA	3.08	87	Khá	150,000	3606205554584	Agribank	
352	2010550	Trần Thị	Trang	DPK44HQA	3.03	82	Khá	150,000	5400205491197	Agribank	
353	2010478	Phạm Minh	Phương	DPK44HQA	2.94	79	Khá	150,000	5400205558638	Agribank	
354	2010396	Hoàng Thị	Lê	DPK44HQA	2.92	85	Khá	150,000	5308205129225	Agribank	
355	2010372	Nguyễn Thị Thu	Huệ	DPK44HQA	2.89	80	Khá	150,000	5225205126479	Agribank	
356	2010577	Lê Thảo	Vy	DPK44HQA	2.89	79	Khá	150,000	6003205471910	Agribank	
357	2010521	Trần Nguyễn Uyên	Thư	DPK44HQA	2.85	74	Khá	150,000	5400205558615	Agribank	
358	2010327	Nguyễn Thị Hồng	Cẩm	DPK44HQA	2.84	80	Khá	150,000	4305205320141	Agribank	
359	2010527	Trần Thị Phương	Thủy	DPK44HQA	2.81	77	Khá	150,000	5400205555328	Agribank	
360	2012066	Điền Thị	Khoai	DPK44HQA	2.79	84	Khá	150,000	5406205313363	Agribank	
361	2010515	Hồ Thị Như	Thiện	DPK44HQA	2.76	77	Khá	150,000	4902205102825	Agribank	
362	2010334	Nguyễn Thị Xuân	Diệu	DPK44HQA	2.73	79	Khá	150,000	5406205271119	Agribank	
363	2010588	Liêng Hót K'	Yar	DPK44HQA	2.62	80	Khá	150,000	5406205353838	Agribank	
364	2013485	Trần Thị Ngọc	Thúy	DPK44HQB	3.68	81	Giỏi	200,000	5491205424200	Agribank	
365	2013508	Lê Ngọc Đoan	Trang	DPK44HQB	3.51	82	Giỏi	200,000	4600205361945	Agribank	
366	2013492	Nguyễn Thị Thu	Thủy	DPK44HQB	3.43	82	Giỏi	200,000	5411205138469	Agribank	
367	2013378	Trần Thị Trúc	Mai	DPK44HQB	3.38	83	Giỏi	200,000	5400205559913	Agribank	
368	2013276	Trần Thị Thanh	Chí	DPK44HQB	3.35	80	Giỏi	200,000	4306205464558	Agribank	
369	2013489	Nguyễn Phương	Thùy	DPK44HQB	3.27	82	Giỏi	200,000	5400205482961	Agribank	
370	2013297	Krä Jãn K'	Đuyết	DPK44HQB	3.38	78	Khá	150,000	5401281000720	Agribank	
371	2015400	Nguyễn Hoàng	Ngọc	DPK44HQB	3.27	76	Khá	150,000	5400205565350	Agribank	
372	2013540	Hoàng Bảo Phương	Uyên	DPK44HQB	3.19	85	Khá	150,000	5402205408303	Agribank	
373	2013337	Vũ Ngọc Lan	Hương	DPK44HQB	3.16	77	Khá	150,000	5404205465924	Agribank	
374	2015740	Phạm Hồng	Nhi	DPK44HQB	3.05	74	Khá	150,000	2704220011155	Agribank	
375	2010444	Nguyễn Hoàng Bảo	Ngọc	DPK44HQB	2.81	77	Khá	150,000	5406205253310	Agribank	
376	2010320	Trương Ngọc	Anh	DPK44NB	3.78	87	Giỏi	200,000	5400205567724	Agribank	
377	2010321	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	DPK44NB	3.78	80	Giỏi	200,000	5400205571449	Agribank	

STT	MSSV	Họ	Tên	Mã Lớp	ĐTB	ĐRL	Xếp loại KT	Số Tiền KT	Số Tài Khoản	Tên ngân hàng mở tài khoản	Ghi chú
378	2010310	Cao Thị Lan	Anh	DPK44NB	3.68	80	Giỏi	200,000	5400205555494	Agribank	
379	2010312	Hồ Thị Vân	Anh	DPK44NB	3.40	80	Giỏi	200,000	5405205298664	Agribank	
380	2010326	Phạm Thanh	Bình	DPK44NB	3.74	76	Khá	150,000	5400205558621	Agribank	
381	2012088	Lương Văn	Quân	DPK44NB	3.65	72	Khá	150,000	5300205808439	Agribank	
382	2015388	Phạm Ngọc	Dương	DPK44NB	3.55	77	Khá	150,000	2202205353656	Agribank	
383	2013412	Đỗ Thị Quỳnh	Như	DPK44NB	3.35	76	Khá	150,000	5606205324939	Agribank	
384	2010523	Nguyễn Thị	Thương	DPK44NB	3.30	73	Khá	150,000	5406205258162	Agribank	
385	2013546	Hoàng Ngọc Khánh	Vân	DPK44NB	3.28	70	Khá	150,000	5406205269776	Agribank	
386	2010551	Trần Thị Kiều	Trang	DPK44NB	3.24	74	Khá	150,000	5401205070650	Agribank	
387	2013384	Đinh Thị Thu	Nga	DPK44NB	3.20	75	Khá	150,000	5411205133856	Agribank	
388	2013312	Đinh Thị Thu	Hằng	DPK44NB	3.20	73	Khá	150,000	5411205133840	Agribank	
389	2013272	Thông Thái	Châu	DPK44NB	3.10	70	Khá	150,000	5400205559870	Agribank	
390	2012093	Hoàng Thị Thu	Sương	DPK44NB	3.05	82	Khá	150,000	4807205299965	Agribank	
391	2010344	Lê Thị Thu	Giang	DPK44NB	3.05	75	Khá	150,000	5014205061892	Agribank	
392	2010509	Võ Thị Thu	Thảo	DPK44NB	3.03	75	Khá	150,000	5408205279954	Agribank	
393	2010427	Hoàng Thanh	Nga	DPK44NB	3.03	73	Khá	150,000	5408205279665	Agribank	
394	2012510	Tạ Nguyễn Như	Quỳnh	DPK44NB	3.00	71	Khá	150,000	5400205555515	Agribank	
395	2013526	Đào Ngọc Đăng	Trúc	DPK44NB	2.95	69	Khá	150,000	5400205534305	Agribank	
396	1914568	Bạch Thị Tuyết	Nga	GTK43SP	3.33	95	Giỏi	200,000	5400205494846	Agribank	
397	1914524	Phạm Nguyễn Hoàng	Anh	GTK43SP	3.33	93	Giỏi	200,000	5400205494410	Agribank	
398	1911078	Lương Vũ Hải	Nhận	GTK43SP	3.36	75	Khá	150,000	4803205076121	Agribank	
399	1911082	Lê Vũ Thùy	Tiên	GTK43SP	3.18	79	Khá	150,000	5405205258210	Agribank	
400	1914573	Nguyễn Thị Kim	Nguyên	GTK43SP	3.00	74	Khá	150,000	4906205075207	Agribank	
401	1914604	Nguyễn Thị Thùy	Trang	GTK43SP	2.85	70	Khá	150,000	5400205494268	Agribank	
402	1914530	Rơ Ông K'	Diên	GTK43SP	2.73	70	Khá	150,000	5400205494200	Agribank	
403	1914559	Phạm Thị Thùy	Linh	GTK43SP	2.73	68	Khá	150,000	5495205050610	Agribank	
404	2010009	Lưu Huyền	Trang	GTK44SPA	3.78	90	Xuất sắc	250,000	5405205297191	Agribank	
405	2012654	Hoàng Ngọc	Loan	GTK44SPA	3.75	97	Xuất sắc	250,000	5412205379192	Agribank	
406	2011947	Hà Thị Kiều	Anh	GTK44SPA	3.69	94	Xuất sắc	250,000	5404205492542	Agribank	
407	2012637	Nguyễn Lê Phương	Hợp	GTK44SPA	3.59	82	Giỏi	200,000	5400205560783	Agribank	
408	2010003	Nguyễn Phạm Hồng	Minh	GTK44SPA	3.50	88	Giỏi	200,000	5401205070933	Agribank	
409	2010001	Hứa Thị Thu	Hà	GTK44SPA	3.50	81	Giỏi	200,000	5406205311975	Agribank	

STT	MSSV	Họ	Tên	Mã Lớp	ĐTB	ĐRL	Xếp loại KT	Số Tiền KT	Số Tài Khoản	Tên ngân hàng mở tài khoản	Ghi chú
410	2012587	Nguyễn Thị Thanh	An	GTK44SPA	3.50	78	Khá	150,000	5408205235183	Agribank	
411	2012592	Nguyễn Thị Phương	Anh	GTK44SPA	3.41	74	Khá	150,000	5400205563066	Agribank	
412	2012784	Jan Kar Như	Ý	GTK44SPA	3.31	74	Khá	150,000	5408205280845	Agribank	
413	2012663	Ka	Mãng	GTK44SPA	3.06	70	Khá	150,000	5400205563985	Agribank	
414	2012627	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	GTK44SPA	3.03	74	Khá	150,000	5400205560580	Agribank	
415	2012644	Phạm Thị Mỹ	Huyền	GTK44SPA	2.78	76	Khá	150,000	4801205166425	Agribank	
416	2015814	Đình Trần Văn	Trâm	GTK44SPB	3.59	87	Giỏi	200,000	5004205217020	Agribank	
417	2012622	Nguyễn Thanh	Hằng	GTK44SPB	3.53	82	Giỏi	200,000	5405205272648	Agribank	
418	2012636	Nguyễn Thị	Hồng	GTK44SPB	3.41	87	Giỏi	200,000	5400205559784	Agribank	
419	2015813	Trần Thị Thanh	Cúc	GTK44SPB	3.41	85	Giỏi	200,000	5212220002428	Agribank	
420	2012595	Vũ Hồng	Anh	GTK44SPB	3.38	87	Giỏi	200,000	5404205471095	Agribank	
421	2012778	Nguyễn Lê Yên	Vi	GTK44SPB	3.38	80	Giỏi	200,000	4607205099576	Agribank	
422	2012641	Phạm Thị Lan	Hương	GTK44SPB	3.31	80	Giỏi	200,000	5404205468344	Agribank	
423	2012668	Phùng Thị Trà	My	GTK44SPB	3.22	89	Giỏi	200,000	5400205560255	Agribank	
424	2012651	Lê Thị Mỹ	Linh	GTK44SPB	3.47	78	Khá	150,000	5405205363432	Agribank	
425	2015736	Ngô Thiên	Trang	GTK44SPB	3.38	68	Khá	150,000	1603205657263	Agribank	
426	2012593	Phùng Nguyễn Châu	Anh	GTK44SPB	3.03	80	Khá	150,000	5400205560630	Agribank	
427	2012676	Nhan Minh Kim	Ngân	GTK44SPB	2.97	84	Khá	150,000	1609205049473	Agribank	
428	2012715	Ngô Văn	Sáng	GTK44SPB	2.75	78	Khá	150,000	4804205240235	Agribank	
429	1812708	Văn Thị Như	Ý	HHK42	3.93	95	Xuất sắc	250,000	4900205255983	Agribank	
430	1810078	Nguyễn Phi	Hồ	HHK42SP	3.66	90	Xuất sắc	250,000	4702205260842	Agribank	
431	1810091	Lê Thị Diễm	Trinh	HHK42SP	3.33	87	Giỏi	200,000	5400205427589	Agribank	
432	1910167	Đặng Thị Minh	Thư	HHK43SP	3.73	88	Giỏi	200,000	5406205190147	Agribank	
433	1910165	Nguyễn Đặng Thanh	Hiền	HHK43SP	3.19	78	Khá	150,000	5400205480654	Agribank	
434	2012844	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Loan	HHK44SP	3.34	77	Khá	150,000	5400205564183	Agribank	
435	1812912	Lê Bùi Anh	Tú	HNK42	3.30	86	Giỏi	200,000	5400205442179	Agribank	
436	1810036	Lê Nhật Hồng	Thiên	HNK42	3.30	81	Giỏi	200,000	1890205129750	Agribank	
437	1812902	Lê Dương Hoàng	Khang	HNK42	2.98	96	Khá	150,000	5400205442308	Agribank	
438	1811757	Võ Thị	Ngọc	KTK42	3.40	89	Giỏi	200,000	5400205433178	Agribank	
439	1811712	Nguyễn Đức	Hạnh	KTK42	3.30	93	Giỏi	200,000	5400205432152	Agribank	
440	1811807	Nguyễn Thị	Thường	KTK42	3.30	87	Giỏi	200,000	5400205434794	Agribank	
441	1811690	Nguyễn Thị Kim	Chi	KTK42	3.24	90	Giỏi	200,000	5400205434670	Agribank	

STT	MSSV	Họ	Tên	Mã Lớp	ĐTB	ĐRL	Xếp loại KT	Số Tiền KT	Số Tài Khoản	Tên ngân hàng mở tài khoản	Ghi chú
442	1811818	Nguyễn Thị Kiều	Trang	KTK42	3.12	90	Khá	150,000	5400205401800	Agribank	
443	1811765	Hồ Thị	Nhung	KTK42	3.11	88	Khá	150,000	5400205433149	Agribank	
444	1811798	Hà Ngọc	Thu	KTK42	3.11	85	Khá	150,000	5600205443025	Agribank	
445	1811747	Nguyễn Nhật	Minh	KTK42	3.06	91	Khá	150,000	5406205194414	Agribank	
446	1811808	Nguyễn Thị	Thúy	KTK42	3.05	92	Khá	150,000	5400205432730	Agribank	
447	1811698	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	KTK42	2.94	86	Khá	150,000	4807205219467	Agribank	
448	1811785	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	KTK42	2.88	85	Khá	150,000	5400205434788	Agribank	
449	1911830	Phạm Thị Thanh	Nhàn	KTK43	3.30	83	Giỏi	200,000	5406205317262	Agribank	
450	1911907	Trần Thị Ánh	Vân	KTK43	3.25	84	Giỏi	200,000	5400205453905	Agribank	
451	1911764	Lê Thị Tú	Anh	KTK43	3.18	95	Khá	150,000	5400205491985	Agribank	
452	1911903	Phạm Thảo	Uyên	KTK43	3.11	87	Khá	150,000	5400205568683	Agribank	
453	1914915	Trần Thị Hoài	Phương	KTK43	3.05	88	Khá	150,000	5400205491520	Agribank	
454	1911874	Đỗ Thị	Thương	KTK43	3.03	81	Khá	150,000	5400205493186	Agribank	
455	1911896	Trịnh Thị Ngọc	Tuyền	KTK43	2.97	81	Khá	150,000	5400205492840	Agribank	
456	1911831	Nguyễn Lê Hạnh	Nhân	KTK43	2.85	81	Khá	150,000	5406205208237	Agribank	
457	1910399	Lê Thị Trúc	Mai	KTK43	2.63	81	Khá	150,000	5412205366858	Agribank	
458	1914649	Vũ Thị Ánh	Ngọc	KTK43	2.63	81	Khá	150,000	5400205482818	Agribank	
459	2010961	Phạm Thị	Quyên	KTK44A	3.24	88	Giỏi	200,000	5400205554593	Agribank	
460	2010959	Trương Nhật	Quang	KTK44A	3.24	86	Giỏi	200,000	5400205554637	Agribank	
461	2010937	Vũ Thị Diễm	My	KTK44B	3.00	81	Khá	150,000	5400205554512	Agribank	
462	1812290	Nguyễn Thị	Phương	LHK42A	3.79	90	Xuất sắc	250,000	5304205204948	Agribank	
463	1811957	Lê Thị Lệ	Giang	LHK42A	3.71	92	Xuất sắc	250,000	5400205428683	Agribank	
464	1811899	Trần Thị Anh	Đào	LHK42A	3.64	92	Xuất sắc	250,000	5400205440325	Agribank	
465	1811990	Võ Thị Mỹ	Hạnh	LHK42A	3.85	87	Giỏi	200,000	5400205440121	Agribank	
466	1812174	Nguyễn Thị Thanh	Mơ	LHK42A	3.77	89	Giỏi	200,000	4608205035450	Agribank	
467	1812189	Điệp Thúy	Nga	LHK42A	3.71	89	Giỏi	200,000	5400205498689	Agribank	
468	1812187	Rơ Ông K'	Nang	LHK42A	3.62	83	Giỏi	200,000	5400205441392	Agribank	
469	1812478	Trần Thị Kiều	Trinh	LHK42A	3.54	82	Giỏi	200,000	5406205392983	Agribank	
470	1812199	Bùi Văn	Nghĩa	LHK42A	3.53	93	Giỏi	200,000	4207205030409	Agribank	
471	1812324	Trần Thị	Quỳnh	LHK42A	3.45	88	Giỏi	200,000	5406205328036	Agribank	
472	1812102	Chu Văn	Lạng	LHK42A	3.33	81	Giỏi	200,000	5404205401813	Agribank	
473	1812170	Phí Nguyễn Ngọc	Minh	LHK42A	3.29	87	Giỏi	200,000	5406205410144	Agribank	

STT	MSSV	Họ	Tên	Mã Lớp	ĐTB	ĐRL	Xếp loại KT	Số Tiền KT	Số Tài Khoản	Tên ngân hàng mở tài khoản	Ghi chú
474	1812203	Nguyễn Bửu	Nghĩa	LHK42A	3.20	81	Giỏi	200,000	4709205117131	Agribank	
475	1811893	Nguyễn Giang	Đại	LHK42A	3.08	80	Khá	150,000	2504205608840	Agribank	
476	1812076	Liêng Hót	Kdét	LHK42A	3.07	74	Khá	150,000	5400205442711	Agribank	
477	1812180	Trương Thị Kim	My	LHK42A	3.06	80	Khá	150,000	4907205144716	Agribank	
478	1813811	Phạm Trọng	Sang	LHK42A	2.94	84	Khá	150,000	5223205130784	Agribank	
479	1812190	Đoàn Thị Tuyết	Nga	LHK42A	2.93	75	Khá	150,000	5491205392190	Agribank	
480	1812006	Ngô Tấn	Hiền	LHK42A	2.90	85	Khá	150,000	5400205498666	Agribank	
481	1813850	Đoàn Huy	Hoàng	LHK42A	2.87	72	Khá	150,000	5413205085835	Agribank	
482	1811873	Trần Lê Kim	Bình	LHK42A	2.80	76	Khá	150,000	4810205222455	Agribank	
483	1812273	Nguyễn Đức	Phong	LHK42A	2.54	82	Khá	150,000	5406205341057	Agribank	
484	1811979	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	LHK42B	3.69	87	Giỏi	200,000	5400205442859	Agribank	
485	1812425	Lê Thị	Thùy	LHK42B	3.57	89	Giỏi	200,000	5205205153272	Agribank	
486	1811912	Đặng Thị Khánh	Đoan	LHK42B	3.54	85	Giỏi	200,000	4900205303854	Agribank	
487	1811980	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	LHK42B	3.50	84	Giỏi	200,000	5400205440230	Agribank	
488	1812148	Nguyễn Văn	Luân	LHK42B	3.38	85	Giỏi	200,000	4610205241105	Agribank	
489	1812463	Trần Thị	Trang	LHK42B	3.23	85	Giỏi	200,000	4704205384596	Agribank	
490	1812193	Đặng Lâm Kiều	Ngân	LHK42B	3.21	81	Giỏi	200,000	5406205290250	Agribank	
491	1812208	Phạm Nguyễn Bích	Ngọc	LHK42B	3.13	88	Khá	150,000	5400205440065	Agribank	
492	1811936	Thảm Mạnh	Dũng	LHK42B	3.08	82	Khá	150,000	5412205338058	Agribank	
493	1812248	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	LHK42B	3.08	79	Khá	150,000	5400205441783	Agribank	
494	1812007	Nguyễn Hà Ngọc	Hiền	LHK42B	3.07	88	Khá	150,000	4708205037732	Agribank	
495	1811930	Vũ Thị Thùy	Dung	LHK42B	3.07	82	Khá	150,000	5400205441290	Agribank	
496	1812485	Nguyễn Thành	Trung	LHK42B	3.00	88	Khá	150,000	5406205286434	Agribank	
497	1812065	Lê Thị Ngọc	Huyền	LHK42B	2.94	82	Khá	150,000	5400205427697	Agribank	
498	1812518	Phạm Thị Phương	Uyên	LHK42B	2.94	78	Khá	150,000	5406281002804	Agribank	
499	1811852	Lê Ngọc Quý	Anh	LHK42B	2.77	79	Khá	150,000	1890205131410	Agribank	
500	1812023	H Mến	H'Long	LHK42B	2.74	81	Khá	150,000	5400205428806	Agribank	
501	1813812	Võ Thị Thùy	Dương	LHK42B	2.71	81	Khá	150,000	5406205190935	Agribank	
502	1811967	Quách Thị Thu	Hà	LHK42B	2.64	83	Khá	150,000	5009205141323	Agribank	
503	1812524	Lã Thị Hồng	Vân	LHK42C	3.85	98	Xuất sắc	250,000	5406205249001	Agribank	
504	1812388	Nguyễn Đình Hưng	Thịnh	LHK42C	3.77	98	Xuất sắc	250,000	5400205441080	Agribank	
505	1812030	Nguyễn Thị	Hoài	LHK42C	3.67	92	Xuất sắc	250,000	5400205442792	Agribank	

STT	MSSV	Họ	Tên	Mã Lớp	ĐTB	ĐRL	Xếp loại KT	Số Tiền KT	Số Tài Khoản	Tên ngân hàng mở tài khoản	Ghi chú
506	1812535	Lê Ngọc	Việt	LHK42C	3.64	93	Xuất sắc	250,000	5400205442757	Agribank	
507	1812201	Hoàng Văn	Nghĩa	LHK42C	3.60	95	Xuất sắc	250,000	8304205047401	Agribank	
508	1812069	Trần Thị Ngọc	Huyền	LHK42C	3.67	89	Giỏi	200,000	5413205097726	Agribank	
509	1812241	Trần Thị Hương	Nhi	LHK42C	3.43	86	Giỏi	200,000	5409205089574	Agribank	
510	1812291	Nguyễn Thị Hoài	Phương	LHK42C	3.42	88	Giỏi	200,000	5400205440404	Agribank	
511	1811941	Nguyễn Hữu	Duy	LHK42C	3.38	90	Giỏi	200,000	5493205415760	Agribank	
512	1812347	Nguyễn Thị Băng	Tâm	LHK42C	3.38	88	Giỏi	200,000	5400205441840	Agribank	
513	1812468	Võ Ngọc	Trí	LHK42C	3.36	88	Giỏi	200,000	4700205756645	Agribank	
514	1812348	Nguyễn Duy	Tân	LHK42C	3.36	82	Giỏi	200,000	4513205063485	Agribank	
515	1812464	Trần Thị Hoài	Trang	LHK42C	3.35	89	Giỏi	200,000	5406205188717	Agribank	
516	1812143	Phạm Đào Gia	Long	LHK42C	3.33	86	Giỏi	200,000	5300215060070	Agribank	
517	1812461	Nguyễn Trần Bảo	Trang	LHK42C	3.33	83	Giỏi	200,000	5400205428648	Agribank	
518	1813881	Vũ Minh	Tiến	LHK42C	3.30	69	Khá	150,000	5406205273360	Agribank	
519	1812002	Bùi Thị	Hiền	LHK42C	3.19	81	Khá	150,000	5406205191191	Agribank	
520	1812331	Nguyễn Đức	Son	LHK42C	3.11	82	Khá	150,000	5406205296835	Agribank	
521	1812444	Phạm Thị Ngọc	Trâm	LHK42C	3.09	88	Khá	150,000	3902205143777	Agribank	
522	1812492	Bùi Đức	Tú	LHK42C	3.00	84	Khá	150,000	5400205427782	Agribank	
523	1812506	Hồ Huỳnh Ánh	Tuyết	LHK42C	3.00	81	Khá	150,000	5304205186194	Agribank	
524	1812432	Nguyễn Ngọc	Thy	LHK42C	3.00	80	Khá	150,000	4810205179673	Agribank	
525	1812473	Cao Thị Tuyết	Trinh	LHK42C	2.92	84	Khá	150,000	4712205050046	Agribank	
526	1812502	Trương Xuân	Tùng	LHK42C	2.86	67	Khá	150,000	5400205441357	Agribank	
527	1812253	Kpã	Nhung	LHK42C	2.77	79	Khá	150,000	5406205242842	Agribank	
528	1812540	Nguyễn Phú Vương	Vĩnh	LHK42C	2.76	81	Khá	150,000	5491205392205	Agribank	
529	1812210	Phan Thị Thu	Ngọc	LHK42C	2.74	81	Khá	150,000	5405281003177	Agribank	
530	1812154	Đông Việt Khánh	Ly	LHK42C	2.69	78	Khá	150,000	5400205443086	Agribank	
531	1812160	Phan Vũ Hiền	Mai	LHK42C	2.67	82	Khá	150,000	4501205136350	Agribank	
532	1812026	Hoàng Thái	Hòa	LHK42D	4.00	93	Xuất sắc	250,000	5400205442530	Agribank	
533	1812118	Nguyễn Thị	Linh	LHK42D	3.91	95	Xuất sắc	250,000	5400205427701	Agribank	
534	1811925	Lê Thị Ngọc	Dung	LHK42D	3.82	90	Xuất sắc	250,000	5400205441681	Agribank	
535	1812284	Bùi Thị Thu	Phương	LHK42D	3.73	91	Xuất sắc	250,000	5406205246170	Agribank	
536	1812528	Nguyễn Thị Thùy	Vân	LHK42D	3.57	89	Giỏi	200,000	5300205659770	Agribank	
537	1812479	Ksor Hờ	Trình	LHK42D	3.55	89	Giỏi	200,000	4606205076897	Agribank	

STT	MSSV	Họ	Tên	Mã Lớp	ĐTB	ĐRL	Xếp loại KT	Số Tiền KT	Số Tài Khoản	Tên ngân hàng mở tài khoản	Ghi chú
538	1812096	Mai Hắc Phúc	Lai	LHK42D	3.53	84	Giỏi	200,000	4600205290093	Agribank	
539	1812111	Hoàng Thị Mỹ	Linh	LHK42D	3.50	85	Giỏi	200,000	5400205443215	Agribank	
540	1811927	Nguyễn Thùy	Dung	LHK42D	3.46	85	Giỏi	200,000	5400205441022	Agribank	
541	1812558	Nguyễn Thị	Yến	LHK42D	3.45	94	Giỏi	200,000	5402205343259	Agribank	
542	1812471	Nguyễn Lê Thanh	Triệu	LHK42D	3.36	92	Giỏi	200,000	2005206179177	Agribank	
543	1812486	Trương Quang	Trung	LHK42D	3.35	80	Giỏi	200,000	4510205110075	Agribank	
544	1812066	Nguyễn Thị Khánh	Huyền	LHK42D	3.27	97	Giỏi	200,000	5491205388345	Agribank	
545	1813840	Vũ Thị Hoài	Thu	LHK42D	3.25	82	Giỏi	200,000	5406205198030	Agribank	
546	1812390	Phạm Thị Kim	Thoa	LHK42D	3.36	76	Khá	150,000	5400205441600	Agribank	
547	1812009	Nguyễn Thị Thu	Hiền	LHK42D	3.15	85	Khá	150,000	5400205442372	Agribank	
548	1812523	Dương Thị Mỹ	Vân	LHK42D	3.00	87	Khá	150,000	5400205443221	Agribank	
549	1812544	Phan Đức	Vương	LHK42D	2.94	76	Khá	150,000	5400205442077	Agribank	
550	1812330	Châu Văn	Son	LHK42D	2.93	78	Khá	150,000	5400205427753	Agribank	
551	1812510	Hồ Thị Phương	Uyên	LHK42D	2.92	78	Khá	150,000	5102205102850	Agribank	
552	1812212	Trương Hoài	Ngọc	LHK42D	2.84	79	Khá	150,000	5400205441045	Agribank	
553	1812446	Trương Hoàng Bảo	Trâm	LHK42D	2.73	83	Khá	150,000	5400205442560	Agribank	
554	1812233	Ngô Ngọc	Nhi	LHK42D	2.68	80	Khá	150,000	5408281002850	Agribank	
555	1912206	Vũ Quang	Nhân	LHK43A	3.74	93	Xuất sắc	250,000	5400205488236	Agribank	
556	1912137	Nguyễn Thị Phương	Loan	LHK43A	3.50	89	Giỏi	200,000	5413205112265	Agribank	
557	1914907	Trịnh Trần Mỹ	Hạnh	LHK43A	3.43	91	Giỏi	200,000	5400205497975	Agribank	
558	1912208	Đặng Thị Tuyết	Nhi	LHK43A	3.38	86	Giỏi	200,000	5491205410661	Agribank	
559	1912378	Nguyễn Ngọc Linh	Trang	LHK43A	3.25	87	Giỏi	200,000	5492205085500	Agribank	
560	1914913	Võ Thị Như	Ý	LHK43A	3.23	87	Giỏi	200,000	5495205095420	Agribank	
561	1912199	Phạm Hữu Đăng	Nguyễn	LHK43A	3.17	84	Khá	150,000	5492205085496	Agribank	
562	1912232	Nguyễn Văn	Nhật	LHK43A	3.14	83	Khá	150,000	5400205489399	Agribank	
563	1912062	Rơ Mah	Hùng	LHK43A	3.10	89	Khá	150,000	5400205499544	Agribank	
564	1910450	Nguyễn Thị Khánh	Hà	LHK43A	3.08	89	Khá	150,000	5914205234320	Agribank	
565	1910503	Nguyễn Ngọc	Sang	LHK43A	3.03	89	Khá	150,000	5400205499623	Agribank	
566	1912153	Lê Minh	Mẫn	LHK43A	3.03	79	Khá	150,000	4810205304016	Agribank	
567	1912243	Nguyễn Quang	Phú	LHK43A	2.93	89	Khá	150,000	5400205490070	Agribank	
568	1911964	Đặng Kiều	Diễm	LHK43A	2.89	83	Khá	150,000	5400205490034	Agribank	
569	1912391	Trần Thị Tô	Trinh	LHK43A	2.88	79	Khá	150,000	4300205375695	Agribank	

STT	MSSV	Họ	Tên	Mã Lớp	ĐTB	ĐRL	Xếp loại KT	Số Tiền KT	Số Tài Khoản	Tên ngân hàng mở tài khoản	Ghi chú
570	1912383	Tạ Thị	Trang	LHK43A	2.83	82	Khá	150,000	5401205074537	Agribank	
571	1912029	Nguyễn Thị Ngọc	Hiền	LHK43B	3.90	97	Xuất sắc	250,000	5203205893706	Agribank	
572	1910432	Hồ Long	Ân	LHK43B	3.68	91	Xuất sắc	250,000	5406205276214	Agribank	
573	1912284	Nguyễn Minh	Sáng	LHK43B	3.48	89	Giỏi	200,000	4810205307218	Agribank	
574	1910475	Trần Thị Kim	Luôn	LHK43B	3.47	92	Giỏi	200,000	1800259193473	Agribank	
575	1912215	Nguyễn Tuyết	Nhi	LHK43B	3.30	91	Giỏi	200,000	5406205276033	Agribank	
576	1912055	Nguyễn Thị	Hồng	LHK43B	3.28	94	Giỏi	200,000	5400205488220	Agribank	
577	1910543	Nguyễn Thị Hà	Vy	LHK43B	3.20	87	Giỏi	200,000	5408205269980	Agribank	
578	1912290	Đoàn Dũng	Sỹ	LHK43B	3.15	82	Khá	150,000	5404205438474	Agribank	
579	1912071	Trần Lâm Thanh	Hương	LHK43B	3.07	79	Khá	150,000	4900205282803	Agribank	
580	1912141	Đặng Thiên	Long	LHK43B	3.05	86	Khá	150,000	5005205193806	Agribank	
581	1912404	Nguyễn Văn	Trường	LHK43B	2.95	89	Khá	150,000	7702205160997	Agribank	
582	1912254	Đinh Thị	Phuong	LHK43B	2.92	81	Khá	150,000	5406205237206	Agribank	
583	1910468	Nguyễn Thị Diễm	Lành	LHK43B	2.88	90	Khá	150,000	4703205230997	Agribank	
584	1912060	Ka	Hợp	LHK43B	2.68	70	Khá	150,000	5400205488192	Agribank	
585	1912024	Nguyễn Văn	Hậu	LHK43C	3.33	88	Giỏi	200,000	5400205460532	Agribank	
586	1912165	Bo Bo Thị	Mội	LHK43C	3.33	84	Giỏi	200,000	5400205488207	Agribank	
587	1910531	Nguyễn Hà	Trang	LHK43C	3.25	83	Giỏi	200,000	4907205171748	Agribank	
588	1912027	Đặng Thị Thanh	Hiền	LHK43C	3.10	84	Khá	150,000	5406205235876	Agribank	
589	1912359	Đàm Ngọc	Tiên	LHK43C	3.08	80	Khá	150,000	5400205490028	Agribank	
590	1912101	Phạm Thị Thúy	Kiều	LHK43C	3.05	82	Khá	150,000	4501205162003	Agribank	
591	1910530	Dương Thị Thùy	Trang	LHK43C	3.03	78	Khá	150,000	5914205212940	Agribank	
592	1912093	Nguyễn Thị Kiều	Khanh	LHK43C	2.90	82	Khá	150,000	5400205497969	Agribank	
593	1910509	Võ Lê Hồng	Thắm	LHK43C	2.85	79	Khá	150,000	5207220001870	Agribank	
594	1912087	Ka	Huynh	LHK43C	2.70	81	Khá	150,000	5400205489823	Agribank	
595	1910541	Phan Thị Huyền	Vi	LHK43C	2.61	86	Khá	150,000	5400205484921	Agribank	
596	2015528	Trần Ngọc Lan	Hương	LHK44A	3.00	83	Khá	150,000	5408205330938	Agribank	
597	2015551	Nguyễn Phương	Quyên	LHK44A	3.00	76	Khá	150,000	4804205234567	Agribank	
598	2011227	Trần Hoàng Yến	Vi	LHK44A	2.83	78	Khá	150,000	5400205439089	Agribank	
599	2012281	Nguyễn Phương	Ngân	LHK44B	3.94	94	Xuất sắc	250,000	5400205555617	Agribank	
600	2014388	Lê Nguyễn Nhật	Vy	LHK44B	3.53	88	Giỏi	200,000	5400205559828	Agribank	
601	2014075	Vũ Thị Hồng	Gắm	LHK44B	3.33	82	Giỏi	200,000	5400205566977	Agribank	

STT	MSSV	Họ	Tên	Mã Lớp	ĐTB	ĐRL	Xếp loại KT	Số Tiền KT	Số Tài Khoản	Tên ngân hàng mở tài khoản	Ghi chú
602	2011019	Huỳnh Gia	Bào	LHK44B	3.29	91	Giỏi	200,000	5406205220891	Agribank	
603	2011026	Vũ Ngọc Quỳnh	Chi	LHK44B	3.26	87	Giỏi	200,000	5406205253254	Agribank	
604	2011080	Đỗ Ngọc	Huy	LHK44B	3.18	85	Khá	150,000	5406205253283	Agribank	
605	2011022	Đỗ Xuân	Bình	LHK44B	3.08	88	Khá	150,000	5400205553164	Agribank	
606	2011013	Đỗ Thị Minh	Anh	LHK44B	2.81	85	Khá	150,000	5495205135628	Agribank	
607	2011218	Trần Ngọc Anh	Tuấn	LHK44B	2.56	84	Khá	150,000	5406205315070	Agribank	
608	2015835	Ngô Danh	Công	LHK44C	3.74	91	Xuất sắc	250,000	5400205588747	Agribank	
609	2014306	Trương Thị Thanh	Thảo	LHK44C	3.29	81	Giỏi	200,000	5406205367356	Agribank	
610	2014093	Dương Trần Mỹ	Hạnh	LHK44C	3.29	80	Giỏi	200,000	4906205107340	Agribank	
611	2014028	Nguyễn Thị Vân	Anh	LHK44C	3.35	77	Khá	150,000	5406205369447	Agribank	
612	2014178	Huỳnh Hữu	Lộc	LHK44C	3.18	79	Khá	150,000	5406205273709	Agribank	
613	2011175	Nguyễn Quốc Hoàng	Thao	LHK44C	3.12	82	Khá	150,000	5406205369430	Agribank	
614	2014227	Lê Thị Thanh	Nhàn	LHK44C	3.12	81	Khá	150,000	4810205343110	Agribank	
615	2014368	Lục Thị Hoàng	Uy	LHK44C	3.09	70	Khá	150,000	5400205566931	Agribank	
616	2014182	Nguyễn Văn Duy	Long	LHK44C	3.06	81	Khá	150,000	5400205559834	Agribank	
617	2014087	Nguyễn Tấn	Hải	LHK44C	3.06	77	Khá	150,000	5400205560465	Agribank	
618	2015541	Nguyễn Thị Hồng	Ngân	LHK44C	3.03	76	Khá	150,000	5402205403815	Agribank	
619	2014205	Nguyễn Thị Thúy	Nga	LHK44C	2.97	83	Khá	150,000	5307205476242	Agribank	
620	2014245	H' Hoa	Niê	LHK44C	2.95	76	Khá	150,000	5209205242240	Agribank	
621	2014293	Lương Quốc	Thắng	LHK44C	2.82	75	Khá	150,000	5406205251380	Agribank	
622	2011047	Phạm Nam	Giang	LHK44C	2.74	81	Khá	150,000	5609205130437	Agribank	
623	1810118	H Lưm Pang	Ting	LSK42SP	3.21	85	Giỏi	200,000	5406205195685	Agribank	
624	1912570	Nguyễn Cao	Kỳ	LSK44SP	3.14	79	Khá	150,000	5400205494120	Agribank	
625	1812975	Lê Thị Thanh	Phương	NHK42	3.58	98	Giỏi	200,000	5400205436646	Agribank	
626	1812942	Tạ Minh	Hiếu	NHK42	3.26	96	Giỏi	200,000	5400205443280	Agribank	
627	1812939	Thái Thị Thùy	Giang	NHK42	3.16	79	Khá	150,000	5400205436261	Agribank	
628	1812978	Huỳnh Thị Bích	Quý	NHK42	3.09	79	Khá	150,000	5405205236355	Agribank	
629	1812965	Phan Kim	Ngân	NHK42	3.02	78	Khá	150,000	5404205531283	Agribank	
630	1812710	Ngô Thị Thu	Hà	NHK42	2.87	96	Khá	150,000	5400205443028	Agribank	
631	1812984	Tiêu Văn	Tân	NHK42	2.81	78	Khá	150,000	5400205436340	Agribank	
632	1812994	Phạm Thị Hoài	Thương	NHK42	2.74	79	Khá	150,000	5400205436210	Agribank	
633	1812937	Nguyễn Cao Hoàng	Duy	NHK42	2.70	76	Khá	150,000	5400205436669	Agribank	

STT	MSSV	Họ	Tên	Mã Lớp	ĐTB	ĐRL	Xếp loại KT	Số Tiền KT	Số Tài Khoản	Tên ngân hàng mở tài khoản	Ghi chú
634	1910254	Đinh Trần Quế	Anh	NHK43	3.26	87	Giỏi	200,000	5400205480914	Agribank	
635	1911375	Võ Trần Ngân	Hà	NHK43	2.92	89	Khá	150,000	4600220050475	Agribank	
636	2011505	Bùi Thúy	An	NHK44	3.41	82	Giỏi	200,000	5400205529210	Agribank	
637	2011526	Trần Thanh	Nhàn	NHK44	3.08	76	Khá	150,000	5400205557209	Agribank	
638	2011519	Lê Huy	Hoàng	NHK44	2.85	73	Khá	150,000	5404205472601	Agribank	
639	2011533	Hồ Phước	Thịnh	NHK44	2.73	73	Khá	150,000	5406281002810	Agribank	
640	1810584	Trần Thị	Thảo	NVK42	3.40	91	Giỏi	200,000	5400205443330	Agribank	
641	1810106	Nguyễn Thị Thu	Thùy	NVK42SP	3.46	85	Giỏi	200,000	5400205430895	Agribank	
642	1810103	Nguyễn Bình Phương	Nhi	NVK42SP	3.40	77	Khá	150,000	5400205430850	Agribank	
643	1912473	Ka	Hạ	NVK43	2.94	84	Khá	150,000	5495205137515	Agribank	
644	1912503	Lê Thị Hoài	Thương	NVK43SP	3.26	85	Giỏi	200,000	5400205494137	Agribank	
645	1912509	Nguyễn Thị Uyên	Vy	NVK43SP	3.37	78	Khá	150,000	5400205494297	Agribank	
646	2015789	Lê Minh	Thương	NVK44	3.47	90	Giỏi	200,000	5406205369453	Agribank	
647	1810676	Lê Thanh	Bình	QHK42	4.00	89	Giỏi	200,000	5400205436130	Agribank	
648	2010285	Nguyễn Phan Nhật	Linh	QHK44	3.13	75	Khá	150,000	5400205557585	Agribank	
649	2015380	Nguyễn Hoàng Mỹ	Kim	QHK44	3.00	72	Khá	150,000	5406205249602	Agribank	
650	1811508	Nguyễn Hoàng Nhật	Khanh	QTK42	3.44	98	Giỏi	200,000	5400205432146	Agribank	
651	1811644	Nguyễn Kim Đài	Trang	QTK42	3.38	80	Giỏi	200,000	5400205433270	Agribank	
652	1811596	Đỗ Thị Diễm	Quỳnh	QTK42	3.35	86	Giỏi	200,000	5400205433047	Agribank	
653	1813853	Bùi Bích	Phương	QTK42	3.31	82	Giỏi	200,000	5400205507377	Agribank	
654	1811440	Phong Quang Tuấn	Anh	QTK42	3.29	82	Giỏi	200,000	5400205407552	Agribank	
655	1811502	Tô Nguyễn Thanh	Huyền	QTK42	3.29	81	Giỏi	200,000	5400205432412	Agribank	
656	1811550	Nguyễn Đăng Tổ	Nga	QTK42	3.25	76	Khá	150,000	4202205137860	Agribank	
657	1811645	Nguyễn Kim Thiên	Trang	QTK42	3.24	78	Khá	150,000	5400205433257	Agribank	
658	1811632	Phạm Thị Thùy	Tiên	QTK42	3.19	85	Khá	150,000	5400205431990	Agribank	
659	1811521	Đặng Thị Bích	Lệ	QTK42	3.19	80	Khá	150,000	5400205434981	Agribank	
660	1811470	Trịnh Thị Thanh	Hằng	QTK42	3.13	81	Khá	150,000	5400205432520	Agribank	
661	1800001	Bành Quang	Huy	QTK42	2.89	78	Khá	150,000	5400205403081	Agribank	
662	1811509	Nguyễn Ngọc Phương	Khanh	QTK42	2.84	78	Khá	150,000	5400205432747	Agribank	
663	1811553	Phan Thị Thu	Ngân	QTK42	2.83	80	Khá	150,000	5400205435036	Agribank	
664	1911510	Đinh Nguyễn Minh	Huyền	QTK43A	3.53	87	Giỏi	200,000	5400205492660	Agribank	
665	1911496	Nguyễn Thị Ánh	Hồng	QTK43A	3.50	90	Giỏi	200,000	5400205493111	Agribank	

STT	MSSV	Họ	Tên	Mã Lớp	ĐTB	ĐRL	Xếp loại KT	Số Tiền KT	Số Tài Khoản	Tên ngân hàng mở tài khoản	Ghi chú
666	1910299	Phan Thị Trà	Giang	QTK43A	3.45	96	Giỏi	200,000	5400205463156	Agribank	
667	1914742	Đoàn Thị Thu	Trang	QTK43A	3.37	85	Giỏi	200,000	5406205245755	Agribank	
668	1911558	Lê Thị Trà	My	QTK43A	3.28	90	Giỏi	200,000	5400205492653	Agribank	
669	1910320	Đặng Nguyễn Trà	My	QTK43A	3.23	85	Giỏi	200,000	5400205484474	Agribank	
670	1911680	Hà Thị Hoài	Thu	QTK43A	3.10	83	Khá	150,000	5406205240479	Agribank	
671	1911698	Nguyễn Tiểu	Thuyền	QTK43A	3.09	83	Khá	150,000	5400205493192	Agribank	
672	1911635	Hoàng Đình	Quân	QTK43A	3.07	85	Khá	150,000	5406205233966	Agribank	
673	1910355	Trần Diệu Anh	Thư	QTK43A	2.95	86	Khá	150,000	5405205257860	Agribank	
674	1910322	Lê Thị Hoàng	Mỹ	QTK43A	2.90	83	Khá	150,000	5400205484560	Agribank	
675	1911537	Trần Thị Bích	Lợi	QTK43A	2.88	84	Khá	150,000	5400205483935	Agribank	
676	1911529	Nguyễn Ngọc Mỹ	Linh	QTK43B	3.43	85	Giỏi	200,000	5400205492190	Agribank	
677	1910367	Vũ Bạch Mộng	Trúc	QTK43B	3.38	85	Giỏi	200,000	5400205483515	Agribank	
678	1911706	Trịnh Bảo	Trâm	QTK43B	3.35	94	Giỏi	200,000	5400205501828	Agribank	
679	1911493	Nguyễn	Hoàn	QTK43B	3.15	82	Khá	150,000	5406205317075	Agribank	
680	1911429	Nguyễn Văn	Chi	QTK43B	2.81	82	Khá	150,000	5406205318049	Agribank	
681	1911697	Nguyễn Hoàng Thanh	Thùy	QTK43B	2.80	84	Khá	150,000	5400205492761	Agribank	
682	1911470	Ngô Trần Gia	Hân	QTK43B	2.73	82	Khá	150,000	5400205493140	Agribank	
683	1910370	Bùi Thị Thanh	Tuyền	QTK43C	3.23	84	Giỏi	200,000	5406205257284	Agribank	
684	1910346	Nguyễn Mai Ngọc	Thạch	QTK43C	3.18	89	Khá	150,000	4705205198658	Agribank	
685	1911530	Nguyễn Thị Mộng	Linh	QTK43C	3.05	82	Khá	150,000	5400205492618	Agribank	
686	1911626	Đỗ Phan Minh	Phương	QTK43C	3.03	81	Khá	150,000	5406205367458	Agribank	
687	1911583	Bùi Thanh Ý	Nhi	QTK43C	2.68	78	Khá	150,000	5400205453992	Agribank	
688	2012167	Võ Nguyễn Quỳnh	Như	QTK44A	3.00	72	Khá	150,000	5400205511158	Agribank	
689	2010889	Trần Ngọc Khánh	Vy	QTK44A	2.76	82	Khá	150,000	5405205257927	Agribank	
690	2012139	Phạm Ngọc	Hân	QTK44A	2.76	75	Khá	150,000	5405205297308	Agribank	
691	2010623	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	QTK44B	3.41	91	Giỏi	200,000	5400205556416	Agribank	
692	2010610	Đặng Thị Vân	Anh	QTK44B	3.30	87	Giỏi	200,000	5491205410229	Agribank	
693	2010746	Nguyễn Bảo	Ngọc	QTK44B	3.24	80	Giỏi	200,000	5400205532900	Agribank	
694	2015476	Trương Bảo	Thắng	QTK44C	2.76	72	Khá	150,000	5406205272889	Agribank	
695	2010648	Nguyễn Quỳnh	Duyên	QTK44CLC	3.32	82	Giỏi	200,000	4910205036560	Agribank	
696	2010626	Phạm Thị Kim	Bình	QTK44CLC	3.24	90	Giỏi	200,000	5406205296018	Agribank	
697	2010713	Lê Hoàng	Lộc	QTK44CLC	3.16	83	Khá	150,000	5400205588487	Agribank	

STT	MSSV	Họ	Tên	Mã Lớp	ĐTB	ĐRL	Xếp loại KT	Số Tiền KT	Số Tài Khoản	Tên ngân hàng mở tài khoản	Ghi chú
698	2015434	Nguyễn Đức	Dũng	QTK44CLC	3.14	86	Khá	150,000	5400205566592	Agribank	
699	2015576	Nguyễn Khả	Như	SHK44CLC	3.24	83	Giỏi	200,000	5402205398591	Agribank	
700	2011239	Nguyễn Tấn	Đạt	SHK44CLC	3.00	79	Khá	150,000	5406205415075	Agribank	
701	1810054	Kiều Ngọc Quỳnh	Giao	TNK42SP	3.40	85	Giỏi	200,000	5402205306961	Agribank	
702	1810062	Lê Đình	Phú	TNK42SP	3.14	87	Khá	150,000	5400205504697	Agribank	
703	1910104	Võ Ngọc Quỳnh	Như	TNK43SP	3.44	93	Giỏi	200,000	5400205480677	Agribank	
704	1911104	Phạm Hồng	Nhung	TNK43SP	3.28	93	Giỏi	200,000	5400205494642	Agribank	
705	1914884	Nguyễn Hoàng Như	Khang	TNK43SP	3.17	82	Khá	150,000	5490205350600	Agribank	
706	1910109	Lê Mai	Thy	TNK43SP	2.75	81	Khá	150,000	5400205480648	Agribank	
707	2011956	Nguyễn Liêm	Khanh	TNK44SP	3.19	91	Khá	150,000	5406205312007	Agribank	
708	2011955	Phạm Trí	Hưng	TNK44SP	3.19	85	Khá	150,000	5400205482990	Agribank	
709	1912455	Võng Kim	Hằng	VHK43	2.92	88	Khá	150,000	5400205568943	Agribank	
710	1810067	Đỗ Chí	Nguyễn	VLK42SP	2.81	80	Khá	150,000	4603205107792	Agribank	
711	1811384	Hoàng Thị Mỹ	Ngọc	VNK42	3.59	89	Giỏi	200,000	5400205436929	Agribank	
712	1813819	Lê Thị Hồng	Hạnh	VNK42	3.22	86	Giỏi	200,000	5209205185667	Agribank	
713	1811405	Lê Thị Thùy	Tiên	VNK42	3.06	84	Khá	150,000	5406205332771	Agribank	
714	2010604	Nguyễn Thị	Viên	VNK44	3.60	76	Khá	150,000	4608220029677	Agribank	
715	1911232	Phạm Hải	Đặng	VTK43	3.71	90	Xuất sắc	250,000	5400205495697	Agribank	
716	1810645	Trần Thị Kiều	Oanh	XHK42	3.26	93	Giỏi	200,000	7600205589929	Agribank	
717	1810621	Dà Kiênng Nai	Hằng	XHK42	3.16	84	Khá	150,000	5405205313571	Agribank	
718	1813791	Cil K'	Bé	XHK42	3.16	83	Khá	150,000	5406205253928	Agribank	
719	1810618	Đặng Trần	Duy	XHK42	2.91	89	Khá	150,000	5400205440990	Agribank	
720	1710166	Ngô Thị	Hằng	CTK41	3.71	98	Xuất sắc	250,000	5400205502808	Agribank	
721	1710303	Phạm Hoàng	Việt	CTK41	3.64	93	Xuất sắc	250,000	5400205502843	Agribank	
722	1710144	Nguyễn Đức	Đề	CTK41	3.53	81	Giỏi	200,000	5401205050755	Agribank	
723	1710156	Phạm Bá Xuân	Duy	CTK41	3.44	92	Giỏi	200,000	5400205503070	Agribank	
724	1710195	Đình Nam	Khoa	CTK41	3.40	83	Giỏi	200,000	5400205500927	Agribank	
725	1710305	Phan Văn Huy	Vũ	CTK41	3.38	92	Giỏi	200,000	5400205500440	Agribank	
726	1710299	Hồ Hoàng Khánh	Vân	CTK41	3.31	92	Giỏi	200,000	5400205499993	Agribank	
727	1710254	Nguyễn Thanh	Sang	CTK41	3.27	91	Giỏi	200,000	5400205502787	Agribank	
728	1710294	Đoàn	Tuấn	CTK41	3.23	90	Giỏi	200,000	5405205344943	Agribank	
729	1710275	Nguyễn Thị	Thúy	CTK41	3.22	90	Giỏi	200,000	5400205499912	Agribank	

STT	MSSV	Họ	Tên	Mã Lớp	ĐTB	ĐRL	Xếp loại KT	Số Tiền KT	Số Tài Khoản	Tên ngân hàng mở tài khoản	Ghi chú
730	1710174	Đào Xuân	Hòa	CTK41	3.20	88	Giỏi	200,000	5400205500910	Agribank	
731	1710265	Nguyễn Đức	Thành	CTK41	3.19	91	Khá	150,000	5400205502814	Agribank	
732	1710267	Nguyễn Hoàng Thu	Thảo	CTK41	3.00	90	Khá	150,000	5406205161677	Agribank	
733	1710388	Huỳnh Văn	Đạt	HNK41	3.72	90	Xuất sắc	250,000	5406205168971	Agribank	
734	1714182	Nguyễn Thị Minh	Hiền	HNK41	3.63	91	Xuất sắc	250,000	5406205243750	Agribank	
735	1710403	Nguyễn Quang	Kiên	HNK41	3.91	88	Giỏi	200,000	5400205500066	Agribank	
736	1710405	Mai Thùy	Linh	HNK41	3.59	86	Giỏi	200,000	7613205072696	Agribank	
737	1710412	Nguyễn Bảo	Ngọc	HNK41	3.31	84	Giỏi	200,000	4703205165235	Agribank	
738	1710365	Phạm Khôi	Nguyên	VTK41	3.70	90	Xuất sắc	250,000	5400205511930	Agribank	
739	1710355	Trần Thị Mỹ	Hạnh	VTK41	3.42	88	Giỏi	200,000	5400205510450	Agribank	
740	1710380	Nguyễn Phạm Quốc	Việt	VTK41	3.24	88	Giỏi	200,000	4205205134561	Agribank	
741	1710370	Lê Thị	Tâm	VTK41	2.79	88	Khá	150,000	5400205510467	Agribank	
742	2012565	Phạm Thị Kiều	Oanh	NVK44SP	3.48	92	Giỏi	200,000	5400205530385	Agribank	
743	2012861	Lê Khánh	Huyền	NVK44SP	3.07	86	Khá	150,000	5609205134388	Agribank	

Danh sách bao gồm 743 sinh viên





BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN KHEN THƯỞNG NĂM HỌC 2020-2021

(Kèm theo Quyết định số 1022/QĐ-ĐHDL, ngày 24 tháng 12 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đà Lạt)

Ngân hàng: VietComBank

STT	MSSV	Họ	Tên	Mã Lớp	ĐTB	ĐRL	Xếp loại KT	Số Tiền KT	Số Tài Khoản	Tên NH mở tài khoản	Ghi chú
1	1810189	Nguyễn Thị	Atino	AVK42A	2.85	79	Khá	150,000	1017909562	VietComBank	
2	1810231	Phạm Trần Mai	Duyên	AVK42B	2.86	82	Khá	150,000	1015397085	VietComBank	
3	1810250	Lê Thị Thanh	Hằng	AVK42C	2.69	79	Khá	150,000	1017239051	VietComBank	
4	1810392	Hà Hiền	Nhi	AVK42D	3.00	86	Khá	150,000	1014713098	VietComBank	
5	1810368	Đặng Ngọc Tường	Nghi	AVK42E	3.21	78	Khá	150,000	0561000604257	VietComBank	
6	1810124	Dương Quốc Tú	Anh	AVK42SP	2.93	79	Khá	150,000	0561000604380	VietComBank	
7	1914120	Phan Nguyễn Kim	Dung	AVK43A	3.20	90	Giỏi	200,000	0561000629063	VietComBank	
8	1911004	Phạm Hoàn Kim	Ngân	AVK43A	2.75	85	Khá	150,000	1021391423	VietComBank	
9	1911023	Trần Thị Huyền	Nhung	AVK43B	2.91	83	Khá	150,000	0561000623734	VietComBank	
10	1911039	Trần Phương	Thảo	AVK43E	3.18	79	Khá	150,000	0561000538205	VietComBank	
11	1914791	Trần Khánh	Dung	AVK43SP	3.48	86	Giỏi	200,000	0561000624351	VietComBank	
12	1911075	Lê Nguyễn Bảo	Ngọc	AVK43SP	3.28	85	Giỏi	200,000	0561000623784	VietComBank	
13	2010217	Mông Thị Dương	Thùy	AVK44A	3.47	90	Giỏi	200,000	1016098034	VietComBank	
14	2010100	Lương Quế	Hân	AVK44B	3.00	85	Khá	150,000	1019610534	VietComBank	
15	2013083	Đỗ Minh	Nguyên	AVK44E	3.50	85	Giỏi	200,000	1020428488	VietComBank	
16	2013003	Trần Thanh	Bình	AVK44E	3.08	80	Khá	150,000	0581000801742	VietComBank	
17	2015712	Nguyễn Thùy Quỳnh	Giao	AVK44E	2.87	76	Khá	150,000	1014771781	VietComBank	
18	2013033	Võ Thị Xuân	Duyên	AVK44E	2.84	79	Khá	150,000	0561000605458	VietComBank	
19	2015706	Lê Nguyễn Thanh	Nhã	AVK44F	3.42	88	Giỏi	200,000	1016614342	VietComBank	
20	2010046	Hoàng Quỳnh	Mai	AVK44SPA	3.63	87	Giỏi	200,000	0561000560333	VietComBank	
21	2010053	Trần Bảo Hạnh	Nhung	AVK44SPA	3.18	80	Khá	150,000	1016637706	VietComBank	
22	2015623	Phạm Thị Bích	Hòa	CHK44	2.92	88	Khá	150,000	1017298566	VietComBank	

STT	MSSV	Họ	Tên	Mã Lớp	ĐTB	ĐRL	Xếp loại KT	Số Tiền KT	Số Tài Khoản	Tên NH mở tài khoản	Ghi chú
23	1812698	Phạm Thị Thanh	Vân	CSK42	3.70	85	Giỏi	200,000	0561000605863	VietComBank	
24	1812590	Lê Khánh	Hào	CSK42	3.45	79	Khá	150,000	1024994591	VietComBank	
25	1813784	Phí Thị Ngọc	Trâm	CSK42	3.32	71	Khá	150,000	501000195917	VietComBank	
26	1812682	Dương Thị Diễm	Trang	CSK42	3.00	67	Khá	150,000	561000606118	VietComBank	
27	1812681	Võ Thị Bích	Trâm	CSK42	2.92	77	Khá	150,000	561000605292	VietComBank	
28	1812634	Nguyễn Ngọc Yến	Nhi	CSK42	2.84	80	Khá	150,000	561000605526	VietComBank	
29	1911273	Đỗ Văn	Dương	CSK43	3.65	92	Xuất sắc	250,000	0561000625814	VietComBank	
30	1911275	Châu Thị Ngọc	Duyên	CSK43	3.39	96	Giỏi	200,000	0561000627276	VietComBank	
31	1911341	Hoàng Trần Thảo	Trang	CSK43	2.97	81	Khá	150,000	1016380456	VietComBank	
32	1910238	Lương Đức	Viễn	CSK43	2.82	77	Khá	150,000	0561000616356	VietComBank	
33	1812866	Nguyễn Mậu	Tuấn	CTK42	3.00	81	Khá	150,000	1021332953	VietComBank	
34	1812860	Nguyễn Đình Phát	Triển	CTK42	2.89	90	Khá	150,000	0561000630338	VietComBank	
35	2011363	Đỗ Minh	Đăng	CTK44A	3.69	89	Giỏi	200,000	1016637880	VietComBank	
36	2011416	Phan Minh	Nhân	CTK44A	3.20	73	Khá	150,000	1016636355	VietComBank	
37	2011465	Nguyễn Trần Hiền	Vinh	CTK44A	3.03	94	Khá	150,000	0001017243090	VietComBank	
38	2015795	Lê Đại Hải	Nam	CTK44B	3.31	81	Giỏi	200,000	0561000560194	VietComBank	
39	1813311	Lê Văn	Hải	DLK42A	3.59	91	Giỏi	200,000	0561000607389	VietComBank	
40	1813262	Ngô Thị Thanh	Dân	DLK42A	3.48	92	Giỏi	200,000	0561000623564	VietComBank	
41	1813334	Nguyễn Thanh	Hiền	DLK42A	3.43	86	Giỏi	200,000	0561000606295	VietComBank	
42	1813353	Nguyễn Văn	Hòa	DLK42A	3.33	95	Giỏi	200,000	0561000631589	VietComBank	
43	1813647	Nguyễn Thị Kim	Thư	DLK42A	3.11	85	Khá	150,000	0751000042792	VietComBank	
44	1813271	Nguyễn Thảo	Đoan	DLK42B	3.70	93	Xuất sắc	250,000	0561000617790	VietComBank	
45	1813402	Đặng Thiên	Kim	DLK42B	3.48	86	Giỏi	200,000	1020025112	VietComBank	
46	1813222	Vũ Hoàng Phương	Anh	DLK42B	3.47	85	Giỏi	200,000	0561000604761	VietComBank	
47	1813438	Nguyễn Hoàng Kim	Long	DLK42B	3.35	83	Giỏi	200,000	0561000626649	VietComBank	
48	1912952	Đặng Thị Thu	Nguyệt	DLK43A	3.50	91	Giỏi	200,000	0751000058489	VietComBank	
49	1912953	Lê Thị Thảo	Nguyệt	DLK43A	3.20	85	Giỏi	200,000	0561000625873	VietComBank	
50	1912977	Lê Thị Quỳnh	Như	DLK43B	3.48	88	Giỏi	200,000	0561000625412	VietComBank	
51	1910728	Đoàn Thị Hải	Yến	DLK43B	3.36	85	Giỏi	200,000	1013141348	VietComBank	
52	1914851	Đinh Nguyễn Bảo	Nguyễn	DLK43B	3.29	90	Giỏi	200,000	0281000601582	VietComBank	

STT	MSSV	Họ	Tên	Mã Lớp	ĐTB	ĐRL	Xếp loại KT	Số Tiền KT	Số Tài Khoản	Tên NH mở tài khoản	Ghi chú
53	1912786	Nguyễn Trần Quỳnh	Hương	DLK43B	3.15	81	Khá	150,000	0561000630059	VietComBank	
54	1912581	Phạm Thuý	An	DLK43C	3.47	92	Giỏi	200,000	0561000625250	VietComBank	
55	1910608	Lê Thị Thu	Hương	DLK43D	3.17	89	Khá	150,000	0271001087419	VietComBank	
56	2011863	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	DLK44A	3.17	86	Khá	150,000	1014360741	VietComBank	
57	2011724	Nguyễn Thanh Thảo	My	DLK44A	3.07	86	Khá	150,000	0581000801741	VietComBank	
58	2011789	Lê Nhật	Quang	DLK44A	2.92	84	Khá	150,000	1013444616	VietComBank	
59	2012501	Nguyễn Ngọc Thanh	Trúc	DLK44B	3.43	87	Giỏi	200,000	0181003622258	VietComBank	
60	2011706	Trần Đăng Động	Lực	DLK44B	2.95	86	Khá	150,000	1020679823	VietComBank	
61	2011776	Hà Lê Hoàng	Phước	DLK44B	2.91	78	Khá	150,000	0561000609755	VietComBank	
62	2011896	Trần Văn	Tú	DLK44B	2.87	82	Khá	150,000	0561000628275	VietComBank	
63	2011750	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	DLK44B	2.69	82	Khá	150,000	1013398455	VietComBank	
64	1811154	Nguyễn Thị Kim	Thanh	DPK42HQ	3.80	90	Xuất sắc	250,000	0061001145308	VietComBank	
65	1811187	Nguyễn Thị Minh	Thoa	DPK42HQ	3.21	82	Giỏi	200,000	1017210195	VietComBank	
66	1811155	Nguyễn Thị Phương	Thanh	DPK42HQ	3.38	79	Khá	150,000	561000603367	VietComBank	
67	1811024	Trần Thị Thanh	Nga	DPK42HQ	3.31	75	Khá	150,000	641000032423	VietComBank	
68	1811304	Hoàng Thị Hồng	Vân	DPK42HQ	3.29	75	Khá	150,000	0561000630366	VietComBank	
69	1811330	Lê Nguyễn Khánh	Vy	DPK42HQ	3.26	75	Khá	150,000	1023311859	VietComBank	
70	1810885	Nguyễn	Hoàng	DPK42HQ	3.26	74	Khá	150,000	1019204619	VietComBank	
71	1810787	Nông Thị Ngọc	Châu	DPK42HQ	3.17	75	Khá	150,000	9964134302	VietComBank	
72	1811239	Lê Nguyễn Mai	Trần	DPK42HQ	3.09	72	Khá	150,000	9847075039	VietComBank	
73	1811333	Trần Ngọc Bảo	Vy	DPK42HQ	3.05	82	Khá	150,000	0561000614233	VietComBank	
74	1811328	Hoàng Trịnh Thảo	Vy	DPK42HQ	3.03	75	Khá	150,000	1024776744	VietComBank	
75	1811166	Địch Thị	Thảo	DPK42HQ	3.00	76	Khá	150,000	0561000625329	VietComBank	
76	1810991	Nguyễn Ngọc Thảo	Ly	DPK42HQ	3.00	75	Khá	150,000	0061001146790	VietComBank	
77	1810957	Nguyễn Khánh	Linh	DPK42HQ	2.76	72	Khá	150,000	0561000603578	VietComBank	
78	1910783	Hoàng Thu	Hiền	DPK43HQA	3.56	89	Giỏi	200,000	561000623702	VietComBank	
79	1913589	Lê Thị	Hương	DPK43HQA	3.52	80	Giỏi	200,000	0201000719466	VietComBank	
80	1913657	Phạm Thị Mỹ	Linh	DPK43HQA	3.45	82	Giỏi	200,000	561000625881	VietComBank	
81	1913827	Huỳnh Thị Trúc	Quỳnh	DPK43HQA	3.45	80	Giỏi	200,000	9789426321	VietComBank	
82	1914758	Vòng	Phồng	DPK43HQA	3.48	79	Khá	150,000	1013227181	VietComBank	

STT	MSSV	Họ	Tên	Mã Lớp	ĐTB	ĐRL	Xếp loại KT	Số Tiền KT	Số Tài Khoản	Tên NH mở tài khoản	Ghi chú
83	1914811	Vũ Thị Diệu	Linh	DPK43HQA	3.10	78	Khá	150,000	0081001283306	VietComBank	
84	1913656	Nguyễn Thị Thùy	Linh	DPK43HQA	2.93	77	Khá	150,000	0561000626532	VietComBank	
85	1913676	Nguyễn Nguyên Thiên	Lý	DPK43HQA	2.72	86	Khá	150,000	1025083574	VietComBank	
86	1910844	Phạm Thị Hồng	Nhung	DPK43HQB	3.79	93	Xuất sắc	250,000	1012671707	VietComBank	
87	1913617	Nguyễn Thị Phương	Kiều	DPK43HQB	3.52	84	Giỏi	200,000	1016918821	VietComBank	
88	1913511	Lê Thị Hà	Giang	DPK43HQB	3.48	83	Giỏi	200,000	201000709961	VietComBank	
89	1913935	Phạm Dương Khánh	Trần	DPK43HQB	3.34	78	Khá	150,000	1022310294	VietComBank	
90	1913785	Võ Hằng	Ninh	DPK43HQC	3.83	92	Xuất sắc	250,000	641000038031	VietComBank	
91	1913554	Nguyễn Thị Mỹ	Hiền	DPK43HQC	3.28	73	Khá	150,000	0561000625458	VietComBank	
92	1913986	Đỗ Thị	Vân	DPK43HQC	3.14	75	Khá	150,000	0271001101951	VietComBank	
93	1913883	Võ Thị Thu	Thào	DPK43HQC	2.93	75	Khá	150,000	0271001095394	VietComBank	
94	1910911	Triệu Tiêu	Tuyết	DPK43NB	3.29	82	Giỏi	200,000	0561000623322	VietComBank	
95	1913780	Bùi Minh	Nhật	DPK43NB	3.14	86	Khá	150,000	0561000615244	VietComBank	
96	1913979	Nguyễn Lam Ngọc	Uyên	DPK43NB	2.73	73	Khá	150,000	9969818201	VietComBank	
97	1913601	Ngô Thị Ngọc	Huyền	DPK43NB	2.62	73	Khá	150,000	0051000545270	VietComBank	
98	2010385	Lục Thu	Huyền	DPK44HQA	3.19	83	Khá	150,000	1016038226	VietComBank	
99	2010354	Trương Thị Khánh	Hằng	DPK44HQA	3.14	79	Khá	150,000	9857128269	VietComBank	
100	2010436	Trần Thị Kim	Ngân	DPK44HQA	3.03	84	Khá	150,000	1017261263	VietComBank	
101	2010579	Nguyễn Trương Triệu	Vy	DPK44HQA	3.00	74	Khá	150,000	1017239035	VietComBank	
102	2010417	Trần Hoàng	Mai	DPK44HQA	2.94	81	Khá	150,000	1018970473	VietComBank	
103	2010432	Nguyễn Quỳnh	Ngân	DPK44HQA	2.78	80	Khá	150,000	9919459766	VietComBank	
104	2010448	Trần Kim	Ngọc	DPK44HQA	2.76	78	Khá	150,000	1017073475	VietComBank	
105	2010424	Đoàn Thị Ngọc	Na	DPK44HQA	2.71	81	Khá	150,000	1015011149	VietComBank	
106	2012096	Nguyễn Thị Thanh	Thào	DPK44HQA	2.70	78	Khá	150,000	1016641016	VietComBank	
107	2013463	Đoàn Thị Thanh	Thào	DPK44HQB	3.32	82	Giỏi	200,000	0901000137569	VietComBank	
108	2013266	Nguyễn Việt	Bắc	DPK44HQB	2.92	84	Khá	150,000	1014678067	VietComBank	
109	2013365	Nguyễn Phương Mỹ	Linh	DPK44HQB	2.78	76	Khá	150,000	9376031163	VietComBank	
110	2013428	Nguyễn Thị Khánh	Phương	DPK44NB	3.54	82	Giỏi	200,000	1016623970	VietComBank	
111	2013288	Phạm Thùy	Dung	DPK44NB	3.41	80	Giỏi	200,000	1017022604	VietComBank	
112	2013370	Nguyễn Hồ Phương	Loan	DPK44NB	3.62	74	Khá	150,000	1024593983	VietComBank	

STT	MSSV	Họ	Tên	Mã Lớp	ĐTB	ĐRL	Xếp loại KT	Số Tiền KT	Số Tài Khoản	Tên NH mở tài khoản	Ghi chú
113	2013438	Nguyễn Thị	Quỳnh	DPK44NB	3.46	79	Khá	150,000	1017151812	VietComBank	
114	2010489	Lê Tuấn	Tài	DPK44NB	3.46	71	Khá	150,000	1014998025	VietComBank	
115	2013350	Đặng Ngọc	Khánh	DPK44NB	3.43	76	Khá	150,000	1014950981	VietComBank	
116	2015807	Nguyễn Thị	Thành	DPK44NB	3.43	68	Khá	150,000	9563033149	VietComBank	
117	2010449	Trương Thị Bích	Ngọc	DPK44NB	3.41	71	Khá	150,000	1018293900	VietComBank	
118	2013407	Nguyễn Thị Phương	Nhi	DPK44NB	3.38	72	Khá	150,000	1017176636	VietComBank	
119	2010529	Đình Lưu Thùy	Tiên	DPK44NB	3.28	74	Khá	150,000	0751000037831	VietComBank	
120	2012110	Trần Hoàng Thị	Trinh	DPK44NB	3.25	72	Khá	150,000	1024124988	VietComBank	
121	2010364	Bùi Thị Mỹ	Hiền	DPK44NB	3.24	75	Khá	150,000	1016574187	VietComBank	
122	2010466	Dương Thị Quỳnh	Như	DPK44NB	3.20	75	Khá	150,000	1017239174	VietComBank	
123	2013366	Nguyễn Văn	Linh	DPK44NB	3.15	65	Khá	150,000	0561000564497	VietComBank	
124	2013494	Tôn Thất Bảo	Toàn	DPK44NB	3.08	65	Khá	150,000	1015010879	VietComBank	
125	2010518	Lê Minh Huyền	Thư	DPK44NB	2.95	74	Khá	150,000	0561000623809	VietComBank	
126	1914529	Nguyễn Ngọc Phương	Đan	GTK43SP	3.00	77	Khá	150,000	1021124412	VietComBank	
127	2012655	Nguyễn Thị	Loan	GTK44SPA	3.84	83	Giỏi	200,000	1016918366	VietComBank	
128	2012612	Trần Thị Thùy	Dung	GTK44SPA	3.66	77	Khá	150,000	1025084570	VietComBank	
129	2012677	Võ Thị Thanh	Ngân	GTK44SPA	3.31	76	Khá	150,000	1025040099	VietComBank	
130	2012643	Nguyễn Diễm	Huyền	GTK44SPB	3.50	72	Khá	150,000	9329827057	VietComBank	
131	2012782	Phạm Tường	Vy	GTK44SPB	3.46	79	Khá	150,000	1017252616	VietComBank	
132	2015761	Phạm Thị Thanh	Huyền	GTK44SPB	3.38	71	Khá	150,000	9342623327	VietComBank	
133	2012691	Vương Yên	Nhi	GTK44SPB	3.22	72	Khá	150,000	1018201103	VietComBank	
134	2015747	Vũ Thị Ngọc	Quỳnh	GTK44SPB	2.97	73	Khá	150,000	1017248841	VietComBank	
135	2012659	Hoàng Châu Huyền	Mai	GTK44SPB	2.78	79	Khá	150,000	1016294463	VietComBank	
136	2015796	Đình Đức	Trọng	HHK44SP	3.60	76	Khá	150,000	9964176185	VietComBank	
137	1812901	Trần Nguyên	Kha	HNK42	3.15	79	Khá	150,000	0561000627884	VietComBank	
138	1811797	Lâm Bảo	Thịnh	KTK42	3.46	94	Giỏi	200,000	0561000627514	VietComBank	
139	1811734	Nguyễn Thùy	Khuyên	KTK42	3.28	88	Giỏi	200,000	9889456275	VietComBank	
140	1811681	Lê Thị Vân	Anh	KTK42	3.23	86	Giỏi	200,000	1025012545	VietComBank	
141	1811769	Phạm Thị Thu	Nhung	KTK42	3.00	86	Khá	150,000	1025084673	VietComBank	
142	1811733	Dương Thị Quỳnh	Khuyên	KTK42	2.88	86	Khá	150,000	0561000607984	VietComBank	

STT	MSSV	Họ	Tên	Mã Lớp	ĐTB	ĐRL	Xếp loại KT	Số Tiền KT	Số Tài Khoản	Tên NH mở tài khoản	Ghi chú
143	1911871	Nguyễn Minh	Thơ	KTK43	3.12	83	Khá	150,000	1017261546	VietComBank	
144	1911762	Lê Phạm Quỳnh	Anh	KTK43	3.00	82	Khá	150,000	0561000625616	VietComBank	
145	1911807	Trương Thị Mỹ	Liên	KTK43	2.76	81	Khá	150,000	1016918767	VietComBank	
146	2014010	Nguyễn Thanh	Tuyền	KTK44B	3.15	81	Khá	150,000	1017261524	VietComBank	
147	1812403	Nguyễn Ngọc Minh	Thư	LHK42A	3.93	92	Xuất sắc	250,000	0561000606508	VietComBank	
148	1811924	Lê Thanh	Dung	LHK42A	3.67	85	Giỏi	200,000	0561000622835	VietComBank	
149	1812449	Hồ Thục Quỳnh	Trân	LHK42A	3.50	89	Giỏi	200,000	1013576295	VietComBank	
150	1812454	Lê Nữ Huyền	Trang	LHK42A	3.33	80	Giỏi	200,000	0561000630110	VietComBank	
151	1812112	Huỳnh Thị Yên	Linh	LHK42A	3.23	87	Giỏi	200,000	1018623179	VietComBank	
152	1812512	Lê Trà Bích	Uyên	LHK42A	3.21	82	Giỏi	200,000	1017238277	VietComBank	
153	1812082	Huỳnh Văn	Khánh	LHK42A	3.21	80	Giỏi	200,000	9919831435	VietComBank	
154	1812018	Nguyễn Xuân	Hiếu	LHK42A	3.20	77	Khá	150,000	1015394528	VietComBank	
155	1813854	Huỳnh Thị	Truyền	LHK42A	3.18	88	Khá	150,000	0561000630109	VietComBank	
156	1812235	Nguyễn Quỳnh	Nhi	LHK42A	3.16	83	Khá	150,000	9329439921	VietComBank	
157	1812205	Huỳnh Mỹ	Ngọc	LHK42A	3.13	87	Khá	150,000	0061001146474	VietComBank	
158	1812316	Nguyễn Thị Thúy	Quyên	LHK42A	3.13	79	Khá	150,000	9339283684	VietComBank	
159	1811847	Trần Thị Thúy	An	LHK42A	3.07	84	Khá	150,000	0271001079515	VietComBank	
160	1812336	Phan Xuân	Sơn	LHK42A	3.07	84	Khá	150,000	9333510679	VietComBank	
161	1811971	Lê Thị Ngọc	Hạ	LHK42A	3.00	75	Khá	150,000	1012878742	VietComBank	
162	1812220	Phạm Lương Phương	Nguyên	LHK42A	2.93	78	Khá	150,000	0561000605478	VietComBank	
163	1812320	Lã Trúc	Quỳnh	LHK42A	2.86	87	Khá	150,000	0061001146931	VietComBank	
164	1812089	Lê Công	Khởi	LHK42A	2.79	70	Khá	150,000	0561000605137	VietComBank	
165	1812359	Nguyễn Thị Ngọc	Thanh	LHK42A	2.69	70	Khá	150,000	9975947531	VietComBank	
166	1811854	Nguyễn Trúc Lan	Anh	LHK42B	3.50	90	Giỏi	200,000	0561000614358	VietComBank	
167	1812064	Lê Khánh	Huyền	LHK42B	3.40	90	Giỏi	200,000	0561000604682	VietComBank	
168	1812491	Phạm Thị	Truyền	LHK42B	3.38	93	Giỏi	200,000	1014511822	VietComBank	
169	1812392	Nguyễn Sinh	Thời	LHK42B	3.36	90	Giỏi	200,000	1014503237	VietComBank	
170	1812342	Trần Thị Thu	Sương	LHK42B	3.33	86	Giỏi	200,000	0431000259538	VietComBank	
171	1812410	Cao Hồ Văn	Thuận	LHK42B	3.19	85	Khá	150,000	1024760461	VietComBank	
172	1812122	Võ Thị Mỹ	Linh	LHK42B	3.07	90	Khá	150,000	1016968783	VietComBank	

STT	MSSV	Họ	Tên	Mã Lớp	ĐTB	ĐRL	Xếp loại KT	Số Tiền KT	Số Tài Khoản	Tên NH mở tài khoản	Ghi chú
173	1812238	Phạm Trần Duyên	Nhi	LHK42B	3.07	88	Khá	150,000	9365 4227 26	VietComBank	
174	1811969	Ca Thị Bích	Hạ	LHK42B	3.07	87	Khá	150,000	1016941134	VietComBank	
175	1812298	Hồ Thị Kim	Phượng	LHK42B	3.07	80	Khá	150,000	751000048413	VietComBank	
176	1811963	Đoàn Văn Ngọc Phi	Hà	LHK42B	3.06	84	Khá	150,000	0561000613840	VietComBank	
177	1812135	Hoàng Duy	Long	LHK42B	3.06	78	Khá	150,000	9393974222	VietComBank	
178	1812259	Nguyễn Võ Rút	Ni	LHK42B	2.85	72	Khá	150,000	1012870178	VietComBank	
179	1812527	Nguyễn Thị Thu	Vân	LHK42B	2.72	84	Khá	150,000	9889829661	VietComBank	
180	1811995	Võ Kiệt Anh	Hào	LHK42B	2.67	79	Khá	150,000	1017216414	VietComBank	
181	1812309	Hồ Anh	Quốc	LHK42B	2.50	77	Khá	150,000	1025027821	VietComBank	
182	1813837	Phạm Vũ Nhật	Minh	LHK42C	3.85	95	Xuất sắc	250,000	0561000603863	VietComBank	
183	1812341	Nguyễn Thị Tuyết	Sương	LHK42C	3.67	87	Giỏi	200,000	0561000603873	VietComBank	
184	1812297	Đình Thị Hoa	Phượng	LHK42C	3.62	89	Giỏi	200,000	0561000605617	VietComBank	
185	1812005	Lê Hiếu Minh	Hiền	LHK42C	3.56	93	Giỏi	200,000	0561000627820	VietComBank	
186	1811947	Nguyễn Hoàng Khánh	Duyên	LHK42C	3.54	90	Giỏi	200,000	0561000608390	VietComBank	
187	1812128	Nguyễn Bảo	Lộc	LHK42C	3.54	90	Giỏi	200,000	0031000336285	VietComBank	
188	1811940	Trần Thị Ánh	Dương	LHK42C	3.36	89	Giỏi	200,000	0561000605449	VietComBank	
189	1812294	Phạm Thị Lan	Phượng	LHK42C	3.25	90	Giỏi	200,000	0561000607586	VietComBank	
190	1811905	Nguyễn Văn	Đạt	LHK42C	3.19	83	Khá	150,000	771000593119	VietComBank	
191	1811944	Võ Nguyễn Khương	Duy	LHK42C	3.13	81	Khá	150,000	1022389733	VietComBank	
192	1812319	Dương Thị Như	Quỳnh	LHK42C	2.92	81	Khá	150,000	0271001084671	VietComBank	
193	1812519	Võ Nguyễn Hoàng	Uyên	LHK42C	2.90	83	Khá	150,000	0561000616484	VietComBank	
194	1812222	Nguyễn Thị Thanh	Nhân	LHK42C	2.69	83	Khá	150,000	0811000050138	VietComBank	
195	1812422	Phan Ngọc Đan	Thùy	LHK42D	3.43	89	Giỏi	200,000	0871004224965	VietComBank	
196	1812458	Lê Trần Ngọc	Trang	LHK42D	3.21	75	Khá	150,000	1015413985	VietComBank	
197	1812179	Nguyễn Thị	My	LHK42D	3.14	82	Khá	150,000	1014571005	VietComBank	
198	1912255	Huỳnh Yến	Phương	LHK43A	3.74	91	Xuất sắc	250,000	0561000625649	VietComBank	
199	1910473	Trần Xuân	Lộc	LHK43A	3.60	93	Xuất sắc	250,000	0561000625911	VietComBank	
200	1910507	Lê Ngọc Ngân	Tâm	LHK43A	2.86	85	Khá	150,000	0561000623908	VietComBank	
201	1912176	Nguyễn Thị Thúy	Nga	LHK43B	3.39	90	Giỏi	200,000	0561000625785	VietComBank	
202	1910536	Nguyễn Lê Thanh	Tuyền	LHK43C	2.95	84	Khá	150,000	0561000623614	VietComBank	

STT	MSSV	Họ	Tên	Mã Lớp	ĐTB	ĐRL	Xếp loại KT	Số Tiền KT	Số Tài Khoản	Tên NH mở tài khoản	Ghi chú
203	1910533	Lương Huỳnh Nhã	Trúc	LHK43C	2.74	85	Khá	150,000	0561000606198	VietComBank	
204	2011222	Vân Thị Hồng	Út	LHK44A	3.26	85	Giỏi	200,000	1025012536	VietComBank	
205	2012310	Bùi Quang	Trung	LHK44A	3.22	88	Giỏi	200,000	1021954004	VietComBank	
206	2011117	Trần Thị Ngọc	Ngân	LHK44A	3.22	77	Khá	150,000	1016118571	VietComBank	
207	2011073	Võ Thị Thanh	Huệ	LHK44A	3.12	79	Khá	150,000	1014177620	VietComBank	
208	2011211	Trần Kiều	Trinh	LHK44A	3.05	80	Khá	150,000	1014771939	VietComBank	
209	2014345	Trần Thị Huyền	Trang	LHK44A	2.97	80	Khá	150,000	1014865371	VietComBank	
210	2014258	Nguyễn Ngọc Lan	Phương	LHK44B	3.18	87	Khá	150,000	1014553770	VietComBank	
211	2011055	Trần Phùng Gia	Hân	LHK44B	3.18	85	Khá	150,000	1013875779	VietComBank	
212	2012277	Trương Hiền	Mai	LHK44B	2.97	85	Khá	150,000	1021630580	VietComBank	
213	2011190	Võ Thị Bích	Thuận	LHK44B	2.94	84	Khá	150,000	1014383537	VietComBank	
214	2014147	Lâm Hoàng	Khang	LHK44B	2.91	78	Khá	150,000	1017151258	VietComBank	
215	2011155	Đào Xuân	Quỳnh	LHK44B	2.76	79	Khá	150,000	1016231984	VietComBank	
216	2011105	Trần Thị Phương	Mai	LHK44B	2.62	84	Khá	150,000	1025018546	VietComBank	
217	2014347	Nguyễn Đặng Minh	Trí	LHK44C	3.22	79	Khá	150,000	1016969948	VietComBank	
218	2015557	Lưu Thị	Thảo	LHK44C	3.15	88	Khá	150,000	1016620420	VietComBank	
219	2014112	Đinh Tấn	Hòa	LHK44C	2.88	77	Khá	150,000	1016967280	VietComBank	
220	2014070	Nguyễn Thành	Duy	LHK44C	2.83	73	Khá	150,000	881000461478	VietComBank	
221	2014020	Phan Đình	An	LHK44C	2.70	75	Khá	150,000	1017216746	VietComBank	
222	1810114	Huỳnh Đông	Nghi	LSK42SP	3.50	88	Giỏi	200,000	0561000626340	VietComBank	
223	1812961	Lưu Thị Hà	My	NHK42	3.30	78	Khá	150,000	1015501843	VietComBank	
224	1911370	Trần Hữu Quốc	Chí	NHK43	3.11	86	Khá	150,000	1021030804	VietComBank	
225	1910279	Lê Ngọc	Trần	NHK43	2.61	76	Khá	150,000	9384320246	VietComBank	
226	1810607	Lê Thị Nhật	Trinh	NVK42	3.25	89	Giỏi	200,000	1021386798	VietComBank	
227	1910555	Trần Kim	Loan	NVK43SP	3.45	85	Giỏi	200,000	0561000623777	VietComBank	
228	1810707	Trần Minh	Ngọc	QHK42	3.52	88	Giỏi	200,000	0561000605522	VietComBank	
229	1910940	Đỗ Thị Minh	Châu	QHK43	3.55	80	Giỏi	200,000	0451000466678	VietComBank	
230	2010303	Trần Thị Thanh	Trúc	QHK44	3.68	86	Giỏi	200,000	1021335923	VietComBank	
231	1811557	Nguyễn Thị Khánh	Nguyễn	QTK42	3.56	94	Giỏi	200,000	0561000613450	VietComBank	
232	1811480	Đinh Thị Quỳnh	Hoa	QTK42	3.11	79	Khá	150,000	1020868987	VietComBank	

STT	MSSV	Họ	Tên	Mã Lớp	ĐTB	ĐRL	Xếp loại KT	Số Tiền KT	Số Tài Khoản	Tên NH mở tài khoản	Ghi chú
233	1811674	Nguyễn Thị Như	Ý	QTK42	3.06	81	Khá	150,000	1017281253	VietComBank	
234	1813864	Ngô Thu	Thảo	QTK42	3.00	84	Khá	150,000	1012426216	VietComBank	
235	1811642	Nguyễn Vũ Thùy	Trâm	QTK42	3.00	78	Khá	150,000	1014900454	VietComBank	
236	1811449	Vũ Hoa Huy	Cường	QTK42	3.00	78	Khá	150,000	0561000627031	VietComBank	
237	1811434	Dương Phạm Tú	Anh	QTK42	2.90	79	Khá	150,000	1013275513	VietComBank	
238	1911661	Trần Kim	Tài	QTK43A	3.35	89	Giỏi	200,000	9974399233	VietComBank	
239	1911472	Phạm Ngọc Thúy	Hằng	QTK43A	3.12	85	Khá	150,000	0561000629536	VietComBank	
240	1914778	Nguyễn Long	Vũ	QTK43A	2.95	84	Khá	150,000	1021354003	VietComBank	
241	1911684	Nguyễn Anh	Thư	QTK43B	2.77	93	Khá	150,000	1017251695	VietComBank	
242	1911446	Hoàng Ngọc	Đức	QTK43B	2.77	74	Khá	150,000	1025049928	VietComBank	
243	1911559	Nguyễn Thị Huyền	My	QTK43C	3.40	87	Giỏi	200,000	0561000625533	VietComBank	
244	1910384	Trần Thị Thảo	Vy	QTK43C	3.38	83	Giỏi	200,000	0561000615602	VietComBank	
245	1911542	Võ Thị	Lựu	QTK43C	3.28	94	Giỏi	200,000	0771000601180	VietComBank	
246	1914641	Lê Thị Thanh	Huyền	QTK43C	3.25	90	Giỏi	200,000	0561000625159	VietComBank	
247	1910344	Nguyễn Hoài	Son	QTK43C	3.20	85	Giỏi	200,000	0561000624142	VietComBank	
248	1910338	Đặng Thanh	Phuong	QTK43C	3.18	91	Khá	150,000	1014561979	VietComBank	
249	1911479	Nguyễn Thị	Hậu	QTK43C	3.03	85	Khá	150,000	0561000625148	VietComBank	
250	1911511	Lê Thị Mỹ	Huyền	QTK43C	3.00	83	Khá	150,000	1022344912	VietComBank	
251	1911512	Lê Thị Thanh	Huyền	QTK43C	2.88	83	Khá	150,000	1014784331	VietComBank	
252	1914910	Võ Nguyễn Quang	Nhật	QTK43C	2.81	80	Khá	150,000	1020189216	VietComBank	
253	1911617	Đặng Thanh	Phong	QTK43C	2.81	77	Khá	150,000	9877591335	VietComBank	
254	1910349	Nguyễn Thị Thu	Thảo	QTK43C	2.53	80	Khá	150,000	0561000628989	VietComBank	
255	2010849	Hoàng Lê Hoài	Trang	QTK44A	3.24	82	Giỏi	200,000	1014395370	VietComBank	
256	2010894	Võ Thị	Yến	QTK44A	3.00	82	Khá	150,000	0561000630184	VietComBank	
257	2010758	Trần Vũ Quang	Nhật	QTK44A	2.92	80	Khá	150,000	9564816147	VietComBank	
258	2010755	Trần Đắc Trí	Nhân	QTK44A	2.90	75	Khá	150,000	1014998073	VietComBank	
259	2012154	Nguyễn Thị Thảo	My	QTK44A	2.68	78	Khá	150,000	561000618701	VietComBank	
260	2010810	Hồng Thanh	Tâm	QTK44B	3.05	74	Khá	150,000	0561000615094	VietComBank	
261	2010861	Trang Đoàn Minh	Trí	QTK44B	2.68	85	Khá	150,000	1025011306	VietComBank	
262	2010877	Nguyễn Đoàn Bảo	Uyên	QTK44CLC	3.49	84	Giỏi	200,000	1014385262	VietComBank	

C
V
ƯỜNG
HỌC
LẠI
04

STT	MSSV	Họ	Tên	Mã Lớp	ĐTB	ĐRL	Xếp loại KT	Số Tiền KT	Số Tài Khoản	Tên NH mở tài khoản	Ghi chú
263	2013813	Nguyễn Thị Bích	Thi	QTK44D	2.84	75	Khá	150,000	1014589434	VietComBank	
264	2013660	Trần Thị Thanh	Hương	QTK44D	2.68	75	Khá	150,000	1014772203	VietComBank	
265	1810056	Ngô Thị Kim	Hạnh	TNK42SP	3.50	85	Giỏi	200,000	0561000605765	VietComBank	
266	1911099	Lưu Văn	Khoa	TNK43SP	3.64	90	Xuất sắc	250,000	0561000625398	VietComBank	
267	1910108	Lê Nguyễn Anh	Thư	TNK43SP	3.42	86	Giỏi	200,000	1015761512	VietComBank	
268	1910103	Lê Minh	Diệu	TNK43SP	3.33	92	Giỏi	200,000	1012745701	VietComBank	
269	2011345	Trần Đạt	Tín	TNK44	3.72	93	Xuất sắc	250,000	9971619609	VietComBank	
270	2012833	Nguyễn Thùy Thiên	Ý	TNK44SP	2.72	78	Khá	150,000	1016187353	VietComBank	
271	1810069	Huỳnh Anh	Quốc	VLK42SP	3.42	90	Giỏi	200,000	0621000441971	VietComBank	
272	1811423	Trần Thị Thùy	Vân	VNK42	2.85	85	Khá	150,000	0751000044976	VietComBank	
273	1913417	Đình Quang	Trương	XHK43	2.73	76	Khá	150,000	0561000625296	VietComBank	
274	1710289	Phan Quốc	Trung	CTK41	3.73	93	Xuất sắc	250,000	1021329337	VietComBank	
275	1710285	Lê Anh	Trí	CTK41	3.64	93	Xuất sắc	250,000	0561000609683	VietComBank	
276	1714168	Nguyễn Hữu	Thịnh	CTK41	3.47	83	Giỏi	200,000	1021512155	VietComBank	
277	1710134	Nguyễn Bảo	Châu	CTK41	3.40	91	Giỏi	200,000	0561000613327	VietComBank	
278	1714181	Lê Quan Huy	Hoàng	CTK41	3.20	89	Giỏi	200,000	1025038576	VietComBank	
279	1710002	Cao Văn	Hải	HNK41	3.25	91	Giỏi	200,000	0151000567877	VietComBank	
280	1710420	Lê Thị Phương	Thảo	HNK41	3.23	90	Giỏi	200,000	0561000624788	VietComBank	

Danh sách bao gồm 280 sinh viên

ĐẠO